

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026
Ho Chi Minh City, May 29, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG IRREGULAR INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/The State Securities Commission;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam

Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd

- Tên quỹ/Name of fund: **Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF**

- Mã Chứng khoán/Ticket Symbol: **FUEKIV30**

- Địa chỉ trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Head office address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại/Phone number: (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225

- Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:

Toàn văn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Quỹ ETF KIM Growth VN30 sửa đổi, bổ sung lần thứ tư có hiệu lực kể từ ngày 29/5/2026 đính kèm.

The full text of the Charter on the Organization and Operation of KIM Growth VN30 ETF (4th Amendment) shall take effect as of 29 May 2026, as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 29/5/2026 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>

This information was disclosed on Fund Management Company's website on May 29, 2026 available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện công bố thông tin
Information Disclosure Representative
QUẢN LÝ QUỸ
KIM VIỆT NAM
P. AN KHÁNH - T.P. HỒ CHÍ MINH

HYUN DONGSIK
Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of the Members' Council

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5. năm 2026

MỤC LỤC

CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	9
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ của Quỹ.....	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ	10
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ.....	10
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát.....	10
Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	10
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	10
Điều 10. Hạn chế đầu tư	11
Điều 11. Hạn chế hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ ...	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	13
Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 13	
Điều 13. Nhà Đầu Tư.....	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư.....	14
Điều 15. Điều kiện đối với Nhà Đầu Tư tham gia Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục.....	15
Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.....	15
Điều 17. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi.....	15
Điều 18. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)	16
Điều 19. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.....	20
Điều 20. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên HOSE (giao dịch thứ cấp).....	21
Điều 21. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại.....	22
Điều 22. Chuyển nhượng phi thương mại.....	22
Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	23
Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	23
Điều 24. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường	23
Điều 25. Điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	24
Điều 26. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản.....	24
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	26
Điều 28. Phản đối nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư	26
Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	27
Điều 29. Ban Đại Diện Quỹ.....	27
Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	28
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ.....	28
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.....	28
Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ.....	29
Điều 34. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ.....	29

Điều 35.	Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.....	29
Điều 36.	Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ.....	29
Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		30
Điều 37.	Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ.....	30
Điều 38.	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	30
Điều 39.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	31
Điều 40.	Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	32
Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		32
Điều 41.	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát.....	32
Điều 42.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	33
Điều 43.	Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát	34
Điều 44.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát	35
Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN		35
Điều 45.	Các hoạt động được ủy quyền	35
Điều 46.	Tiêu chí lựa chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan	36
Điều 47.	Trách nhiệm của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan	36
Điều 48.	Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	37
Điều 49.	Chấm dứt hoạt động ủy quyền	37
Chương IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI		38
Điều 50.	Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ.....	38
Chương X: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....		39
Điều 51.	Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ.....	39
Điều 52.	Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ.....	39
Điều 53.	Tổ chức tạo lập thị trường	40
Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO		40
Điều 54.	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	40
Điều 55.	Năm tài chính.....	41
Điều 56.	Chế độ kế toán	41
Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ		41
Điều 57.	Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ	41
Điều 58.	Nguyên tắc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng	42
Điều 59.	Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng	42
Điều 60.	Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ	44
Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....		44
Điều 61.	Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát	44
Điều 62.	Thu nhập của Quỹ	45
Điều 63.	Chi phí hoạt động của Quỹ	46
Điều 64.	Phân chia lợi tức của Quỹ	46
Chương XIV: TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....		47
Điều 65.	Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	47
Điều 66.	Giải thể Quỹ	48
Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH		50

Điều 67.	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ	50
Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....		50
Điều 68.	Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư	50
Điều 69.	Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	50
Điều 70.	Đăng ký Điều Lệ Quỹ và Điều khoản thi hành.....	51
Phụ lục 1	CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	52
Phụ lục 2	CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	54
Phụ lục 3	CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .	55

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và Luật số 89/2025/QH15);
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15) ("**Luật Chứng khoán**");
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP);
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP);
5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC) ("**Thông tư 98**");
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC);
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BTC);
10. Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
11. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC);
12. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
13. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
14. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ Hoán Đổi Danh Mục” hoặc “Quỹ” hoặc “Quỹ ETF”	Là Quỹ ETF KIM Growth VN30, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	Là Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP ngày 01/10/2020 và các Giấy phép điều chỉnh vào từng thời điểm; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/10/2020 và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm. Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam được Nhà Đầu Tư ủy thác quản lý Quỹ ETF KIM Growth VN30, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ này; và được ủy quyền ký hợp đồng giám sát với Ngân Hàng Giám Sát.
“Ngân Hàng Giám Sát”	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
“Công Ty Kiểm Toán”	Là Công Ty Kiểm Toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công Ty Kiểm Toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công Ty Kiểm Toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định hằng năm theo Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Điều Lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành và niêm yết Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại Diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Vốn Điều Lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền hoặc giá trị cổ phiếu do tất cả do tất cả Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.
“Chứng Chỉ Quỹ” hoặc “Chứng Chỉ Quỹ ETF”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng.

“Lô Chứng Chỉ Quỹ” hoặc “Lô ETF”	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	Là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Lợi Tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Năm Tài Chính”	Bắt đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ” hay “iNAV”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	Là Ngày Định Giá mà Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời Điểm Đóng Sở Lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và không được muộn hơn thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của HOSE nơi Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
“Thành Viên Lập Quỹ”	Là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường”	Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	Là các Thành Viên Lập Quỹ hoặc các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ đại chúng và đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Đại Lý Chuyển Nhượng”	Là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ Quỹ này.

“Chỉ Số Tham Chiếu”	Là chỉ số VN30, chỉ số theo quy mô vốn hóa thị trường, gồm 30 cổ phiếu thành phần, đại diện cho hoạt động của 30 công ty niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
“Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số VN30, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	Bao gồm: Lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ; và Lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Hoán Đổi Danh Mục”	Là việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán Đổi Danh Mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Bản Cáo Bạch và Điều Lệ này.
“Ngày Làm Việc”	Là bất kỳ ngày nào không phải thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.
“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư”	Là tài liệu dưới bất kỳ hình thức nào ghi nhận thông tin về Nhà Đầu Tư và tình trạng sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà Đầu Tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“VSDC”	Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UBCKNN”	Là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
“HOSE” hoặc “Sở Giao Dịch Chứng Khoán”	Là Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“VNĐ” hay “Đồng Việt Nam”	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.
“Các Định Nghĩa Khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Quỹ ETF KIM Growth VN30

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: KIM Growth VN30 ETF

Tên viết tắt: KIM VN30 ETF

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam,

- Trụ sở chính: Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028 3824 2220

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán..

Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán

- 4.1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tạo thành. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ. Số vốn này được chia thành 50 Lô Chứng Chỉ Quỹ.
- 4.2. Mệnh giá của một Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ.
- 4.3. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà Đầu Tư đăng ký mua tối thiểu 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ, mỗi Thành Viên Lập Quỹ đăng ký mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lập Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ.
- 4.4. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tham gia góp vốn thành lập quỹ bằng việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ do Quỹ phát hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 4.5. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ phân phối cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được xác định trên cơ sở Chỉ Số Tham Chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
- 4.5. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền trong các trường hợp sau đây:
 - 4.5.1. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành của Lô Chứng Chỉ Quỹ.
 - 4.5.2. Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế chuyển nhượng, bị hạn chế đầu tư do bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm thực hiện giao dịch.
 - 4.5.3. Chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi phát sinh sự kiện doanh nghiệp như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.
 - 4.5.4. Quy trình thực hiện việc thanh toán bổ sung bằng tiền mặt được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- 4.6. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- 4.7. Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu

lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

4.8. Trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên Công ty:	CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	028 3824 2220

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Tên Ngân Hàng Giám Sát:	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	106/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:	14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003
Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số	18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính:	198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	024 3934 3137

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

9.1. Chiến lược đầu tư

- 9.1.1. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu.
- 9.1.2. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.

- 9.1.3. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.
- 9.1.4. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và pháp luật hiện hành.
- 9.2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư
- Quỹ được phép đầu tư vào tất cả các ngành, nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.
- 9.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư
- 9.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu). Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và các quy định của pháp luật.
- 9.3.2. Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản chính sau đây tại Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.
- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam.
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
- 9.3.3. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

- 10.1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:
- 10.1.1. Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ ETF KIM Growth VN30.
 - 10.1.2. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ.

- 10.1.3. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản khác (nếu có) quy định tại điểm a, b, Điều 9.3.2 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ Chính phủ.
- 10.1.4. Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu, không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Điều 9.3.2 được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
- 10.1.5. Không được đầu tư vào bất động sản.
- 10.1.6. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu.
- 10.1.7. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- 10.2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư trong trường hợp quy định tại Điều 10.1.2, Điều 10.1.3, Điều 10.1.4, Điều 10.1.7 khi:
 - 10.2.1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - 10.2.2. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - 10.2.3. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - 10.2.4. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi;
 - 10.2.5. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
 - 10.2.6. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 10.3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định từ Điều 10.2.1 đến 10.2.5, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo UBCKNN và phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại Điều 10.1.
- 10.4. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh Danh Mục Đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời phải thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh Mục Đầu Tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục.
- 10.5. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- 10.5.1. Quý đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- 10.5.2. Quý chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
- 10.5.3. Quý không được đầu tư quá 20% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quý ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận.
- 10.5.4. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quý phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hạn chế hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- 11.1. Công Ty Quản Lý Quý không được sử dụng vốn và tài sản của Quý để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 11.2. Công ty Quản Lý Quý không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quý, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quý hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quý với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quý không được quá 5% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quý tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
- 11.3. Công Ty Quản Lý Quý không được sử dụng tài sản của Quý để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quý hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quý để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quý sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quý căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- 12.1. Quý đầu tư vào Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
- 12.2. Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quý thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.
- 12.3. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quý sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

- 13.1. Nhà Đầu Tư của Quý có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 01 Chứng Chỉ Quý. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quý mà họ sở hữu.
- 13.2. Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quý mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.
- 13.3. Công Ty Quản Lý Quý có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ của Nhà Đầu Tư và không có nghĩa vụ cung cấp lý do từ chối cho Nhà Đầu Tư.
- 13.4. Nhà Đầu Tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quý.
- 13.5. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn thành lập Quý, mua Chứng Chỉ Quý. Việc tham gia góp vốn lập Quý, mua Chứng Chỉ Quý của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng

50
C
QL
KI
HAK

khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- 13.6. Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý với mức giá giao dịch áp dụng như các Nhà Đầu Tư khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

- 14.1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 14.1.1. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 101 của Luật Chứng khoán.
 - 14.1.2. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau.
 - 14.1.3. Tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều Lệ trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
 - 14.1.4. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ.
 - 14.1.5. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
 - 14.1.6. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ Quỹ.
 - 14.1.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.
- 14.2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành còn có các quyền sau đây:
- 14.2.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ.
 - 14.2.2. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - b) Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ.
 - 14.2.3. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư.
 - 14.2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc.
 - 14.2.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- 14.3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử được thực hiện theo quy định về pháp luật doanh nghiệp áp dụng đối với việc

đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ đông phổ thông.

- 14.4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 14.2 và 14.3 phải được lập bằng văn bản và phải có (i) họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; (ii) số lượng Chứng Chỉ Quý nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số Chứng Chỉ Quý của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quý đang lưu hành của Quý; (iii) nội dung yêu cầu, kiến nghị; (iv) căn cứ và lý do.
- 14.5. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điều 14.2.2, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quý, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quý, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 15. Điều kiện đối với Nhà Đầu Tư tham gia Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục

Nhà Đầu Tư khi tham gia giao dịch Hoán Đổi Danh Mục phải đảm bảo các điều kiện sau:

- 15.1. Nhà Đầu Tư sở hữu đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quý khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quý, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định tại Điều Lệ này.
- 15.2. Nhà Đầu Tư sở hữu tối thiểu 01 Lô Chứng Chỉ Quý, tương ứng 100.000 Chứng Chỉ Quý, khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quý lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.
- 15.3. Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại Thành Viên Lập Quý nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

- 16.1. Công Ty Quản Lý Quý thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quý cho Nhà Đầu Tư.
- 16.2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
 - 16.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quý; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quý; mã chứng khoán niêm yết của Quý.
 - 16.2.2. Tổng số Chứng Chỉ Quý được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quý đã bán và tổng vốn huy động được cho Quý.
 - 16.2.3. Danh sách Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quý: (i) họ tên, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); (ii) số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); (iii) số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; (iv) số lượng Chứng Chỉ Quý/Lô Chứng Chỉ Quý sở hữu; (v) tỷ lệ sở hữu; (vi) ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; (vii) xác nhận của VSDC về chi tiết danh mục cơ cấu của từng Thành Viên Lập Quý, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quý.
 - 16.2.4. Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- 16.3. Công Ty Quản Lý Quý, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quý của Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quý thực hiện giao dịch hoán đổi

- 17.1. Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
- 17.2. Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
- 17.3. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
- 17.3.1. Đối với Thành Viên Lập Quỹ:
- a) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày giao dịch hoán đổi và chứng khoán chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (Ngày T);
 - b) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trong tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.
- 17.3.2. Đối với Nhà Đầu Tư: Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang có sẵn trong tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

Điều 18. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)

- 18.1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện công bố thông tin chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu. Việc chào bán, phân phối các Lô Chứng Chỉ Quỹ lần đầu được thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch.
- 18.2. Việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ áp dụng cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- 18.2.1. Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 15 Điều Lệ và cho Thành Viên Lập Quỹ được nêu tại Bản Cáo Bạch hoặc theo thông báo cập nhật từ Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 18.2.2. Giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về hoán đổi.
- 18.2.3. Tần suất giao dịch của Quỹ:
- a) Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi")
 - b) Trong trường hợp Ngày Giao Dịch Hoán Đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc thay đổi Ngày Giao Dịch Hoán Đổi sẽ được thông báo cho các đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân phối, Ngân Hàng Giám Sát, các Tổ Chức Cung Cấp dịch vụ có liên quan và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch Hoán Đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn 02 lần trong 01 tháng.
 - c) Thời điểm đóng sổ lệnh: Là 14h40 tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (Ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.

- 18.2.4. Đơn vị giao dịch hoán đổi tối thiểu là một Lô Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một Lô Chứng Chỉ Quỹ, nhưng phải đảm bảo một Lô Chứng Chỉ Quỹ không ít hơn 100.000 Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chỉ Quỹ mới sẽ được thực hiện sau ít nhất 15 ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chỉ Quỹ mới được công bố trên các trang thông tin điện tử của HOSE, VSDC, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại Lý Phân Phối.
- 18.2.5. Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 17 của Điều Lệ này.
- 18.2.6. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư sẽ được chuyển đến Thành Viên Lập Quỹ (kể cả trường hợp Nhà Đầu Tư đặt lệnh thông qua Đại Lý Phân Phối) và được tổ chức trực tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lưu trữ theo quy định pháp luật về chứng khoán. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Thành Viên Lập Quỹ sẽ được Thành Viên Lập Quỹ lưu trữ theo quy định pháp luật về chứng khoán. Lệnh đã điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của mình, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán và phải đảm bảo:
- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh.
 - Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải xác nhận lại với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ xác nhận lại với Nhà Đầu Tư. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ, Bản Cáo Bạch.
- 18.2.7. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
- Được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công ty Quản Lý Quỹ hoặc VSDC trước Thời Điểm Đóng Sở Lệnh. Các lệnh tới sau Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình chi tiết được quy định trong Bản Cáo Bạch.
 - Được VSDC xác nhận về việc Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ có đầy đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoặc số Lô Chứng Chỉ Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác nhận số tiền Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán Chứng Chỉ Quỹ, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không được thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tư cách Thành Viên Lập Quỹ.
- 18.2.8. Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ tại VSDC. Việc chuyển khoản Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với hướng dẫn của VSDC.
- 18.2.9. Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.
- 18.3. Quy trình thực hiện Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục
- 18.3.1. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và HOSE về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin bao gồm: Các mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu

nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ.

18.3.2. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi:

- a) Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển trực tiếp tới Thành Viên Lập Quỹ hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt;

Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối không thể tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi từ Nhà Đầu Tư do bị giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi đó được chuyển thẳng đến Công Ty Quản Lý Quỹ;

- b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư và Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Quản Lý Quỹ hoặc VSDC trước thời điểm đóng của thị trường theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của VSDC. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh bị hủy bỏ và đã được công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt.

18.3.3. Khắc phục lỗi (nếu có):

- a) Trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC;

- b) Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

18.3.4. Xác nhận và thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi:

- a) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra, thông qua VSDC, khả năng thực hiện được lệnh của Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điều 17.3, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSDC;

- b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi nhưng không quá ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tiếp theo, VSDC và Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Điều 18.4 của Điều Lệ này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSDC xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

Trong thời hạn 03 Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư quy định tại Điều 18.4 của Điều Lệ này theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ.

18.4. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:

- 18.4.1.** Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước hoặc tại ngày thanh toán theo quy định chi tiết tại

Bản Cáo Bạch. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ Chứng Khoán Cơ Cấu; khoản thanh toán cho các Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của Chứng Khoán Cơ Cấu; khoản thanh toán cho các Chứng Khoán Cơ Cấu mua thêm để thực hiện Giao Dịch Hoán Đổi dẫn đến Nhà Đầu Tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các Chứng Khoán Cơ Cấu nắm giữ để thực hiện Giao Dịch Hoán Đổi dẫn đến Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư đó mà Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

- 18.4.2. Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thanh toán, hoặc bằng tiền vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Điều Lệ Quỹ này và Bản Cáo Bạch.

Trường hợp Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán Giao Dịch Hoán Đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu đã có trên tài khoản lưu ký của Quỹ để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ. Trước phiên Giao Dịch Hoán Đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã Chứng Khoán Cơ Cấu, số tiền được thanh toán cho một Chứng Khoán Cơ Cấu. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ.

- 18.5. Các hạn chế đối với việc sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu của Nhà Đầu Tư:

- 18.5.1. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư khiến cho: (i) tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền sở hữu cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; (ii) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức; hoặc (iii) Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó.

- 18.5.2. Khi xảy ra trường hợp quy định tại Điều 18.5.1 này, VSDC có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện các hoạt động như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài: Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho các Nhà Đầu Tư này.
- b) Đối với Nhà Đầu Tư thuộc trường hợp (ii) và (iii), Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toán bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đó và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ này.

- 18.5.3. Việc thanh toán tiền cho các Nhà Đầu Tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định pháp luật.
- 18.5.4. Trường hợp Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định pháp luật hoặc theo điều lệ của Nhà Đầu Tư đó, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt mức hạn chế trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Nhà Đầu Tư không có quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt mức.
- 18.5.5. Trong thời gian chưa giao dịch thành công các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt mức hạn chế mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng Khoán Cơ Cấu này thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện như sau:
- Đối với các cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này;
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công Ty Quản Lý Quỹ thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công. Ngoại trừ trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ xét thấy số chứng khoán này quỹ có thể ứng trước trong tài khoản hiện có để bán trước không ảnh hưởng đến hoạt động của quỹ thì sẽ bán và thanh toán trước;
 - Đối với quyền mua: Công Ty Quản Lý Quỹ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện thấp hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền mua. Sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Trường hợp Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay theo số lượng chứng khoán thực bán mà không chờ đến ngày thực hiện quyền.

18.5.6. Thanh toán Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn mức:

Những khoản thanh toán phát sinh theo quy định tại Điều 18.5.5 sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện sau 2 Ngày Làm Việc kể từ ngày Quỹ nhận được tiền hoặc thực hiện bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức, quyền mua này theo kết quả tính toán và phân bổ của Công Ty Quản Lý Quỹ dựa trên nguyên tắc sau:

- Khoản thanh toán là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định pháp luật hiện hành;
- Việc tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán ở kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi;
- Việc tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện dựa trên khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;
- Số lượng chứng khoán vượt hạn mức sẽ được hạch toán theo dõi riêng ngay khi phát sinh.

Điều 19. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- 19.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- 19.1.1. Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- 19.1.2. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
- Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng; hoặc
 - Số Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số Chứng Chỉ Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- 19.2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh chuyển đổi theo quy định tại Điều 19.1, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước được thực hiện trước.
- 19.3. Đối với trường hợp quy định tại Điều 19.1.1, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- 19.4. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:
- 19.4.1. HOSE thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu.
- 19.4.2. Tổ chức phát hành chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể, hoặc chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết.
- 19.4.3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- 19.4.4. Quỹ tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.
- 19.4.5. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 19.4.6. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 19.5. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 19.4 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải nổi lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà Đầu Tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- 19.6. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điều 19.4.1, 19.4.2, 19.4.3, thời hạn tạm ngừng không quá 03 ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
- 19.7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi theo quy định tại Điều 19.6 này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường về việc giải thể quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 20. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên HOSE (giao dịch thứ cấp)

Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo nguyên tắc sau:

- 20.1. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSDC.

- 20.2. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE.
- 20.3. Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 20.4. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng Chỉ Quỹ này bao gồm:
 - 20.4.1. Số Chứng Chỉ Quỹ đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - 20.4.2. Số Chứng Chỉ Quỹ nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 21. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại

- 21.1. Giá Phát Hành: Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
- 21.2. Giá Mua Lại: Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư đặt lệnh hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại.
- 21.3. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại
 - 21.3.1. Giá Dịch Vụ Phát Hành: Được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
 - 21.3.2. Giá Dịch Vụ Mua Lại: Được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 ngày T+1 (một Ngày Làm Việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).
 - 21.3.3. Giá Dịch Vụ Phát Hành tối đa, Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa (nếu có) áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là **0,5% Giá Trị Giao Dịch**. Các mức giá dịch vụ cụ thể quy định tại hợp đồng tham gia lập quỹ. Việc điều chỉnh các mức giá dịch vụ được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các Thành Viên Lập Quỹ nhưng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều này.
 - 21.3.4. Giá Dịch Vụ Phát Hành tối đa, Giá Dịch Vụ Mua Lại tối đa (nếu có) áp dụng đối với Nhà Đầu Tư là **1% Giá Trị Giao Dịch**. Các mức giá dịch vụ cụ thể quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

Điều 22. Chuyển nhượng phi thương mại

- 22.1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng, cho, thừa kế,...) Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán niêm yết ngoài hệ

- thống giao dịch của HOSE được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán của VSDC.
- 22.2. Việc tặng, cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng, cho, thừa kế hoặc người tặng, cho, thừa kế.
- 22.3. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.
- 22.4. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng, cho, thừa kế.

Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 23.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- 23.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
- 23.2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ.
- 23.2.2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.
- 23.2.3. Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ.
- 23.2.4. Phương án phân phối lợi tức.
- 23.2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ.
- 23.2.6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ.
- 23.2.7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 23.2.8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ Quỹ này.
- 23.3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo chương trình họp, nội dung họp đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
- 23.4. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính và phải thông báo UBCKNN. Tùy từng thời điểm và phù hợp với quy định pháp luật, Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường

- 24.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

- 24.1.1. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; và
- 24.1.2. Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 14.2.2 của Điều Lệ Quỹ này.

Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

- 24.2. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 24.1 của Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp tục không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 24.1, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ Quỹ này.

Điều 25. Điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 25.1. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo hướng dẫn của Công Ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán.
- 25.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.1, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
- 25.3. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.4. Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 của Điều Lệ Quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
- 25.5. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.4.
- 25.6. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản được quy định tại Điều 26 của Điều Lệ Quỹ và theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu Tư.
- 25.7. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
- 25.8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Điều 26. Thủ tục tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản

- 26.1. Phương thức tham dự: Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc thư điện tử tùy thuộc vào thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ theo từng trường hợp và phù hợp với quy định pháp luật.

- 26.2. Thời gian, chương trình và nội dung của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai và các tài liệu quy định tại Điều 27.4.1 phải được gửi cho Nhà Đầu Tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu 07 ngày làm việc khi tiến hành. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề nằm ngoài nội dung đã được thông báo.
- 26.3. Trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ gửi các tài liệu quy định tại Điểm a, b, c và d Điều 27.3.1 cho Nhà Đầu Tư ngay khi có quyết định lấy ý kiến Nhà Đầu Tư.
- 26.4. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản được tiến hành như sau:
- 26.4.1. Công Ty Quản Lý Quỹ chuẩn bị tài liệu, văn bản cho việc lấy ý kiến của Nhà Đầu Tư. Tài liệu bao gồm:
- a) Thư mời họp;
 - b) Dự thảo nội dung chương trình họp;
 - c) Các tài liệu liên quan đến nội dung chương trình họp;
 - d) Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư). Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo phiếu lấy ý kiến thể hiện đầy đủ các nội dung sau:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức;
 - (iv) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
 - (v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vii) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (viii) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ
 - (ix) Chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân và chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà Đầu Tư là tổ chức kèm theo con dấu (nếu có).
 - e) Biên bản họp (trường hợp tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư) hoặc Biên bản kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư). Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo phiếu lấy ý kiến thể hiện đầy đủ các nội dung sau:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận thành lập Quỹ;
 - (ii) Tên, địa chỉ trụ sở, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư;
 - (iv) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, phân loại số lượng và tỉ lệ phiếu biểu quyết hợp lệ/không hợp lệ;

- (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (vi) Các quyết định đã được thông qua;
- (vii) Danh sách các Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết.

26.4.2. Công Ty Quản Lý Quỹ tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư (đối với trường hợp tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư) hoặc thu thập Phiếu lấy ý kiến đã trả lời của Nhà Đầu Tư.

Phiếu lấy ý kiến đã trả lời có thể được gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ bằng thư chuyển phát, fax, thư điện tử hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử trong thời hạn đã quy định trong Phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ là phiếu được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời gian quy định.

26.4.3. Trong vòng 24 giờ kể từ khi bế mạc cuộc họp hoặc kết thúc thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến, Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành kiểm phiếu và ghi nhận thông tin vào biên bản kiểm phiếu/ biên bản họp. Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

26.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu và nghị quyết đã được thông qua cùng các tài liệu khác được chuẩn bị cho cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ.

26.6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

27.1. Mỗi Chứng Chỉ Quỹ tương ứng với một quyền biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.

27.2. Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 51% trên tổng số Chứng Chỉ Quỹ của những Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết hoặc lấy ý kiến.

27.3. Đối với vấn đề quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 65% trên tổng số Chứng Chỉ Quỹ của những Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết.

27.4. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.

27.5. Trong thời hạn 24 giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại Hội và gửi cho Ngân Hàng Giám Sát, cung cấp cho Nhà Đầu Tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

27.6. Những nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những nghị quyết này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Điều 28. Phản đối nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư

28.1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 của Điều Lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có). Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Yêu cầu

phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

- 28.2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 28.1. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Fổi.

Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 29. Ban Đại Diện Quỹ

- 29.1. Ban Đại Diện Quỹ có 03 thành viên, với nhiệm kỳ 05 năm và được tái bổ nhiệm liên tục không giới hạn số nhiệm kỳ.

Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

- 29.2.1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan.
- 29.2.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 29.2.3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

- 29.3.1. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- 29.3.2. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản.
- 29.3.3. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

- 30.1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị.
- 30.2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.
- 30.3. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chối chức vụ bằng cách nộp đơn từ chức đến cho Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trước ít nhất 60 ngày.
- 30.4. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:
 - 30.4.1. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - 30.4.2. Là thành viên của trên 05 Ban Đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

- 31.1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
- 31.2. Phê duyệt sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều Lệ.
- 31.3. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 136/2025/TT-BTC.
- 31.4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
- 31.5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- 31.6. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý Quỹ và hoạt động giám sát.
- 31.7. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều Lệ Quỹ.
- 31.8. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
- 31.9. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- 31.10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

- 32.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- 32.2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 32.2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ.
 - 32.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.
 - 32.2.3. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ
 - 32.2.4. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý

- 33.1. Thành viên Ban Đại Diện Quý bị miễn nhiệm chức vụ trong các trường hợp sau:
 - 33.1.1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
 - 33.1.2. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - 33.1.3. Bị cấm giữ chức vụ thành viên Ban Đại Diện Quý do quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của UBCKNN hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
 - 33.1.4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
- 33.2. Thành viên Ban Đại Diện Quý bị bãi nhiệm chức vụ trong các trường hợp sau:
 - 33.2.1. Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quý trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - 33.2.2. Tiết lộ các bí mật kinh doanh, thông tin bí mật của Quý.
 - 33.2.3. Vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quý mà dẫn đến nguy cơ gây thiệt hại cho Quý.
 - 33.2.4. Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện được làm thành viên Ban Đại Diện Quý theo Điều Lệ.
- 33.3. Thành viên Ban Đại Diện Quý được bổ sung trong các trường hợp sau:
 - 33.3.1. Ngay khi quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Ban Đại Diện Quý có hiệu lực.
 - 33.3.2. Khi Quý có nhu cầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý.
- 33.4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quý sẽ được quyết định trong buổi họp Ban Đại Diện Quý. Thành viên bổ sung sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu theo sự đề cử của Chủ tịch Ban Đại Diện Quý hoặc Công Ty Quản Lý Quý tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 34. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quý

- 34.1. Trường hợp chủ tịch Ban Đại Diện Quý vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quý được chủ tịch Ban Đại Diện Quý ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quý.
- 34.2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quý còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban Đại Diện Quý theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại Diện Quý sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 35. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý

- 35.1. Ban Đại Diện Quý tổ chức họp tối thiểu mỗi Quý 01 lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quý để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
- 35.2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 01 Ngày Làm Việc.
- 35.3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý có thể được tiến hành trực tiếp, thông qua điện thoại, internet và các phương tiện nghe, nhìn khác hoặc tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên có 01 phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
- 35.4. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên).
- 35.5. Quyết định của Ban Đại Diện Quý được thông qua nếu được đa số thành viên thông qua và đa số thành viên độc lập thông qua.
- 35.6. Quyết định của Ban Đại Diện Quý được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều Lệ Quý. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quý có một phiếu biểu quyết.

Điều 36. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý

Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 37.1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.
- 37.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
- 37.3. Có đầy đủ khả năng tài chính và năng lực để thực hiện công tác quản lý Quỹ.
- 37.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

38.1. Nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 38.1.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích.
- 38.1.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.
- 38.1.3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
- 38.1.4. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- 38.1.5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều Lệ này.
- 38.1.6. Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế vào từng thời điểm (nếu có).
- 38.1.7. Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều Lệ này.

38.2. Quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 38.2.1. Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo tiêu chuẩn tại Điều Lệ và đàm phán ký kết hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát.
- 38.2.2. Ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ khác liên quan đến hoạt động quản lý Quỹ thực hiện hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
- 38.2.3. Từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những chủ thể không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ và pháp luật hiện hành.
- 38.2.4. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật/

- 38.2.5. Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ.
- 38.2.6. Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.
- 38.2.7. Tham gia tất cả các Đại Hội Nhà Đầu Tư và cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.
- 38.2.8. Được yêu cầu Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối cung cấp thông tin.
- 38.2.9. Soạn thảo, phê duyệt, chỉnh sửa, bổ sung, thay thế các nội dung được quy định trong Bản Cáo Bạch.
- 38.2.10. Quyết định mức giá dịch vụ phát hành, mua lại và chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ và Bản Cáo Bạch.
- 38.2.11. Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu được quy định tại Điều Lệ.
- 38.2.12. Tái sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài. Việc đầu tư phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- 38.2.13. Các quyền khác của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều Lệ.

Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 39.1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 39.1.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư có yêu cầu thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 39.1.2. Ban Đại Diện Quỹ đề nghị và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
 - 39.1.3. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - 39.1.4. Công Ty Quản Lý Quỹ hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác.
 - 39.1.5. Quỹ hết thời gian hoạt động.
 - 39.1.6. Theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 39.2. Trừ trường hợp quy định tại Điều 39.1.1, trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ tối thiểu 06 tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
- 39.3. Khi Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuyển giao các quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các thông tin, hồ sơ, chứng từ liên quan đến hoạt động của Quỹ cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và phải theo quy định pháp luật hiện hành.
- 39.4. Nghĩa vụ thanh toán các chi phí cho Công Ty Quản Lý Quỹ của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định như sau:
 - 39.4.1. Trường hợp chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra vào thời điểm 03 năm đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Quỹ sẽ thanh toán khoản tiền tương đương 3% Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng 52 tuần liên tục liên trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 39.4.2. Trường hợp chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau 03 năm kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Quỹ sẽ thanh toán khoản tiền tương đương 1,5% Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của

Quý trong vòng 52 tuần liên tục liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quý.

Điều 40. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quý

- 40.1. Công Ty Quản Lý Quý không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát của Quý. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quý không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát của Quý và ngược lại.
- 40.2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quy định khác, Công Ty Quản Lý Quý, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quý được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quý.
- 40.3. Công Ty Quản Lý Quý, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - 40.3.1. Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - 40.3.2. Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
- 40.4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quý phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
- 40.5. Công Ty Quản Lý Quý không được sử dụng vốn và tài sản của Quý để thực hiện các hoạt động sau đây:
 - 40.5.1. Đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quý, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý.
 - 40.5.2. Không được sử dụng tài sản của Quý để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quý; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quý; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.
 - 40.5.3. Không được sử dụng tài sản của Quý để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quý, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quý, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - 40.5.4. Công Ty Quản Lý Quý không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
 - 40.5.5. Các hạn chế đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán khác và đối với từng loại hình quỹ cụ thể được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 41. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

- 41.1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 116 của Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 41.2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân Hàng Giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.
- 41.3. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
- 41.4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, dịch vụ lưu ký.
- 41.5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu ở Phụ lục 02, Phụ lục 03 của Điều Lệ Quỹ này.

Điều 42. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

- 42.1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát
 - 42.1.1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 56 của Luật Chứng khoán.
 - 42.1.2. Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ; ghi nhận chính xác, kịp thời tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của Quỹ; quản lý tách biệt tài sản của Quỹ, tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ), tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp các quỹ này sử dụng chung Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký), tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
 - 42.1.3. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ.
 - 42.1.4. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN.
 - 42.1.5. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư.
 - 42.1.6. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát.
 - 42.1.7. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều Lệ.
 - 42.1.8. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ.
 - 42.1.9. Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là chính xác.
 - 42.1.10. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 42.1.11. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ quỹ.

- 42.1.12. Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ.
 - 42.1.13. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, sổ chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.
 - 42.1.14. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát.
- 42.2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát
- 42.2.1. Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - 42.2.2. Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN. Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
 - 42.2.3. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
 - 42.2.4. Các quyền khác theo quy định pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 43. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

- 43.1. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ quỹ.
- 43.2. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều Lệ quỹ.
- 43.3. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định.
- 43.4. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- 43.4. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ quỹ.
- 43.5. Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ quỹ.

- 43.6. Xác nhận các báo cáo về Giá Trị Tài Sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
- 43.7. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 43.8. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ quỹ.
- 43.9. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 43.10. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 44. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

- 44.1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 44.1.1. Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng Khoán;
 - 44.1.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;
 - 44.1.3. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 44.1.4. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - 44.1.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và theo Hợp Đồng Giám Sát.
- 44.2. Trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát thì Ngân Hàng phải gửi thông báo bằng văn bản cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ trước ít nhất 06 tháng và
- 44.3. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của mình cho Ngân Hàng Giám Sát mới được Quỹ lựa chọn. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ phải tuân theo quy định pháp luật.

Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 45. Các hoạt động được ủy quyền

- 45.1. Công Ty Quản Lý Quỹ được thuê Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định tại Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:
 - 45.1.1. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
 - 45.1.2. Dịch vụ quản trị Quỹ.

- 45.1.3. Các hoạt động khác (nếu có phát sinh) theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 45.2. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 45.1 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ.
- 45.3. Hoạt động Đại Lý Chuyển Nhượng chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 46. Tiêu chí lựa chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan

Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cần đáp ứng các điều kiện sau:

- 46.1. Tiêu chí chung:
 - 46.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - 46.1.2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.
 - 46.1.3. Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
- 46.2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với dịch vụ đó.

Điều 47. Trách nhiệm của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan

- 47.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền
 - 47.1.1. Tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ.
 - 47.1.2. Được thực hiện dựa trên các hợp đồng ủy quyền giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng phải ghi rõ phạm vi công việc, quyền, nghĩa vụ của các bên.
- 47.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - 47.2.1. Đối với dịch vụ quản trị Quỹ:
 - a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ.
 - b) Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị Quỹ.
 - c) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ.
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 47.2.2. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
 - a) Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.
 - b) Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
 - c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

- 47.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu: Quản lý độc lập toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu của Quý và phải lưu trữ những chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu này tại Việt Nam. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
- 47.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quý.
- 47.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quý các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quý.

Điều 48. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quý đối với hoạt động đã ủy quyền

- 48.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quý đối với Quý.
- 48.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quý phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
- 48.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quý. Công Ty Quản Lý Quý được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
- 48.4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- 48.5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quý, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- 48.6. Công Ty Quản Lý Quý phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quý phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
- 48.7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- 48.8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu.

Điều 49. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

- 49.1. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ sẽ chấm dứt hoạt động được ủy quyền trong các trường hợp sau:
- 49.1.1. Xảy ra một trong các trường hợp chấm dứt hoạt động ủy quyền được quy định trong hợp đồng ủy quyền.
- 49.1.2. Hợp đồng ủy quyền hết thời hạn.
- 49.1.3. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản.
- 49.1.4. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ không đáp ứng điều kiện được quy định trong Điều Lệ.
- 49.1.5. Theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quý.
- 49.1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- 49.2. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động ủy quyền, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ phải chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cũng như các sổ sách, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến Quỹ đang được mình quản lý cho một Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ mới do Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định.

Chương IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 50. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

- 50.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
- 50.2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp Đại Lý Phân Phối thực hiện phân phối Chứng Chỉ Quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các Đại Lý Phân Phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 11 Điều 78 Thông tư 98/2020/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 136/2025/TT-BTC). Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của Đại Lý Phân Phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên giám sát Đại Lý Phân Phối, chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ của Đại Lý Phân Phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.
- 50.3. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối:
- 50.3.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- 50.3.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- 50.3.3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.
- 50.3.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 50.3.5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
- 50.3.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
- 50.4. Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng Chỉ Quỹ khi:
- 50.4.1. Đại Lý Phân Phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.
- 50.4.2. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
- 50.4.3. Đại Lý Phân Phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định.

- 50.5. Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng Chỉ Quỹ như Điều 50.4, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư đồng thời chỉ định Đại Lý Phân Phối thay thế (nếu có).
- 50.6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi Đại Lý Phân Phối, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo với UBCKNN kèm theo các tài liệu sau:
- 50.6.1. Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;
- 50.6.2. Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của Quỹ khác do công ty quản lý).
- 50.7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại Lý Phân Phối phải thông báo với UBCKNN theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng.
- 50.8. Địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
- 50.8.1. Theo quyết định của đại lý phân phối.
- 50.8.2. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.
- 50.8.3. Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định.
- 50.8.4. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
- 50.9. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 50.8 Điều, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.
- 50.10. Đại Lý Phân Phối thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng phân phối và các quy định pháp luật hiện hành áp dụng đối với đại lý phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.

Chương X: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 51. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ

- 51.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký.
- 51.2. Trong vòng 12 tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ, công ty chứng khoán phải duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt 220%, hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán; ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
- 51.3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 51.4. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

- 52.1. Quyền của Thành Viên Lập Quỹ
- 52.1.1. Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động Hoán Đổi Danh Mục theo quy định của Điều Lệ Quỹ này. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán.
- 52.1.2. Được thực hiện các giao dịch tự doanh theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ với Quỹ và ngược lại.
- 52.1.3. Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ; hoặc vay các Lô chứng Chỉ Quỹ để hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động

vay chứng khoán, chứng chỉ quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán và theo hướng dẫn của VSDC.

52.1.4. Được thực hiện các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Điều 20.4 của Điều Lệ Quỹ này.

52.2. Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

52.2.1. Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, VSDC, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán.

52.2.2. Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà Đầu Tư. Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư.

52.2.3. Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật.

52.2.4. Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.

52.2.5. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

52.2.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, VSDC, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này.

52.2.7. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại Lý Phân Phối.

Điều 53. Tổ chức tạo lập thị trường

53.1. Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.

53.2. Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng Chỉ Quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng Chỉ Quỹ ETF theo mức giá yết tại các Ngày Giao Dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xây dựng và ban hành.

Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

54.1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.

- 54.2. Nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận.
- 54.3. Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.
- 54.4. Có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

- 56.1. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.
- 56.2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ. Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.
- 56.3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 57. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ

- 57.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm các nội dung sau:
 - 57.1.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
 - 57.1.2. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
- 57.2. Sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính Giá Trị Tài Sản Ròng. Danh sách của tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.
- 57.3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.
- 57.4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ được cập nhật tối thiểu 15 giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 57.5. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng do Ngân Hàng Giám Sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều Lệ Quỹ và của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính đúng.
- 57.6. Trong vòng 03 ngày, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 30.000.000.000 VNĐ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất

phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10.000.000.000 đồng trong vòng 06 tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 58. Nguyên tắc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- 58.1. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 59 của Điều lệ này và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá;
- 58.2. Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận. Sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các Giá Trị Tài Sản Ròng nêu trên phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá.
- 58.3. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng được tinh chính xác và phù hợp Điều lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- 58.4. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao Dịch Chứng Khoán.

Điều 59. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- 59.1. Thời điểm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ

Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ, lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc tiếp theo liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày Định Giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.
- 59.2. Nguyên tắc, phương thức xác định Giá Trị Tài Sản Ròng
 - 59.2.1. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - a) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác

định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước Ngày Định Giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá.

- b) Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và làm tròn xuống đến 02 số thập phân. Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán Quỹ. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

59.2.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

- a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
- b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;
- c) Các khoản mục định giá (Bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- d) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của Quỹ (Trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- e) Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước Ngày Định Giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;
- f) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định pháp luật;
- g) Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động theo các yếu tố quan trọng khi định giá;
- h) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- i) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

59.2.3. Ngân Hàng Giám Sát

- a) Ngân Hàng Giám Sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công Ty Quản Lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;
- b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công Ty Quản Lý Quỹ có hiệu lực;
- c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân Hàng Giám Sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công Ty Quản Lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu;

- d) Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết phù hợp.

59.2.4. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- a) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ phải được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- b) Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
 - ii) Ngân Hàng Giám Sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác này.
- c) Phương pháp xác định giá trị thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại sổ tay định giá, quy định pháp luật.

Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

- 60.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi định giá sai Giá Trị Tài Sản ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.
- 60.2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - 60.2.1. Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán.
 - 60.2.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
- 60.3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - 60.3.1. Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.
 - 60.3.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 61. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát

- 61.1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 - 61.1.1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF. Giá Dịch Vụ Quản Lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ ETF là 0,55% (Chưa bao gồm giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ

liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ).

61.1.2. Tổng các khoản Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF không vượt quá 2% NAV của Quỹ/năm, trừ trường hợp pháp luật của quy định cho phép.

61.1.3. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.1.4. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ cho kỳ định giá = "Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)"

Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là Tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tại các kỳ định giá trong tháng.

61.2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký

61.2.1. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký:

NAV dưới 600 tỷ đồng: 0,06%/NAV/năm.

NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 0,05%/NAV/năm.

NAV từ 1000 tỷ đồng trở lên: 0,04%/NAV/năm.

b) Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu (không bao gồm Giá Dịch Vụ giao dịch chứng khoán và Giá Dịch Vụ hoán đổi danh mục): 20.000.000 VNĐ/tháng.

c) Giá Dịch Vụ Giám Sát (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng ngày) là 0,02% NAV/năm.

d) Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng ngày): 5.000.000 VNĐ/tháng.

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

61.2.2. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.2.3. Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Giám Sát, Lưu Ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng" X "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá" / "số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)"].

Điều 62. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

62.1. Cổ tức.

62.2. Lãi trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ.

62.3. Lãi tiền gửi.

62.4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.

- 62.5. Các khoản thu nhập khác phát sinh từ hoạt động đầu tư hoặc các hoạt động khác của Quỹ (nếu có).

Điều 63. Chi phí hoạt động của Quỹ

- 63.1. Chi phí hoạt động của Quỹ là những chi phí được chi trả bằng tài sản của Quỹ để duy trì hoạt động của Quỹ cho các bên liên quan. Các chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm:
- 63.1.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 63.1.2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát cho Ngân Hàng Giám Sát.
 - 63.1.3. Giá dịch vụ cho Thành Viên Lập Quỹ.
 - 63.1.4. Giá dịch vụ giao dịch thanh toán.
 - 63.1.5. Giá dịch vụ cho các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ.
 - 63.1.6. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu.
 - 63.1.7. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
 - 63.1.8. Giá dịch vụ quản trị quỹ.
 - 63.1.9. Giá dịch vụ tính iNAV.
 - 63.1.10. Giá dịch vụ kiểm toán.
 - 63.1.11. Giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ.
 - 63.1.12. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.
 - 63.1.13. Các chi phí hợp lý khác được Công Ty Quản Lý Quỹ công bố trong Bản Cáo Bạch tùy từng thời điểm.
- 63.2. Chi phí hoạt động của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch và được công bố trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hằng năm sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ}}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ}} \times 100\%$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động trong kỳ} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp phép}} \times 100\%$$

Trong đó, Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá trong kỳ đó chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong cùng kỳ.

Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ

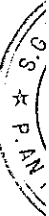
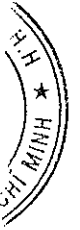
- 64.1. Nhà Đầu Tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà Đầu Tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- 64.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi tức cho Nhà Đầu Tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phân lợi tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.
- 64.3. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng Chứng Chỉ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà Đầu Tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- 64.4. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.
- 64.5. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
- 64.5.1. Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.
- 64.5.2. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua.
- 64.5.3. Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá Trị Tài Sản Ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50.000.000.000 VNĐ.
- 64.5.4. Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Chương XIV: TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- 65.1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
- 65.1.1. Phương án hợp nhất, sáp nhập;
- 65.1.2. Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
- 65.1.3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
- 65.1.4. Dự thảo Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
- 65.2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
- 65.3. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
- 65.4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm:
- 65.4.1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà Đầu Tư;
- 65.4.2. Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
- 65.4.3. Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này.



- 65.5. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm:
- 65.5.1. Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 65.5.2. Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 65.5.3. Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
 - 65.5.4. Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 65.6. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ Quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ Quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
- 65.7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
- 65.7.1. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - 65.7.2. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ Quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ Quỹ (nếu có).
- 65.8. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
- 65.8.1. Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 65.8.2. Nhà Đầu Tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - 65.8.3. Chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Điều 66. Giải thể Quỹ

- 66.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
- 66.1.1. Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Đại Hội Nhà Đầu Tư không thể chỉ định một công ty quản lý khác trong vòng 02 tháng kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện trên.
 - 66.1.2. Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, bị giải thể, phá sản hoặc hợp đồng giám sát giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý bị chấm dứt mà Công Ty Quản Lý Đầu Tư không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - 66.1.3. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong 06 tháng.
 - 66.1.4. Quỹ bị hủy niêm yết.
 - 66.1.5. Đại Hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ.
 - 66.1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 66.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:

- 66.2.1. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ.
- 66.2.2. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ.
- 66.2.3. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác.
- 66.2.4. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ.
- 66.2.5. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- 66.3. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
 - 66.3.1. Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể.
 - 66.3.2. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể.
 - 66.3.3. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.
- 66.4. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định một Công Ty Kiểm Toán hoặc duy trì Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- 66.5. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
- 66.6. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ Ngân Hàng Giám Sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư theo quy định Điều này.
- 66.7. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, các chi phí hoạt động của Quỹ sẽ được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
- 66.8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
 - 66.8.1. Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
 - 66.8.2. Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Điều 66.4.
- 66.9. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư phải đảm bảo nguyên tắc:
 - 66.9.1. Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật Chứng khoán.
 - 66.9.2. Danh mục hoàn trả cho Nhà Đầu Tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - 66.9.3. Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của VSDC. Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà Đầu Tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

1.5 / C
QL
KII
/ 4N
//

- 66.10. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi Công Ty Kiểm Toán hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
- 66.11. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về Giá Trị Tài Sản Ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật.
- 66.12. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

- 67.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - 67.1.1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
 - 67.1.2. Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- 67.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
- 67.3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

- 68.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 68.2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
- 68.3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quỹ và các hoạt động khác có liên quan tới Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây.
 - 68.3.1. Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
 - 68.3.2. Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.
- 68.4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- 69.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- 69.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều Lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

Điều 70. Đăng ký Điều Lệ Quỹ và Điều khoản thi hành

- 70.1. Bản Điều Lệ lần đầu bao gồm 16 Chương, 70 Điều, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ.
- Bản Điều Lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2024.
- Bản Điều Lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024.
- Bản Điều Lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2025 của Quỹ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- Bản Điều Lệ Quỹ này là Điều Lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần thứ tư, bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục, được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2025 của Quỹ ngày 29 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.
- Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ.
- Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ thì mới có giá trị.
- 70.2. Điều Lệ được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
- 70.2.1. 02 bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định;
- 70.2.2. 01 bản lưu tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- 70.2.3. 01 bản lưu tại trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát.
- 70.3. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định pháp luật Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026



VŨ TRẦN VĨNH THUY
Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ Lục sau:

Phụ lục 1: Cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ

Phụ lục 2: Cam kết của ngân hàng giám sát

Phụ lục 3: Cam kết chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và ngân hàng giám sát

Phụ lục 1
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên Công ty:	CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	028 3824 2220

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quý:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quý đại chúng luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
HUYNH TUAN KHANH

QUẢN LÝ QUỸ
HỒ CHÍ MINH

Phụ lục 2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Ngân Hàng Giám Sát:	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	106/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:	14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003
Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số	18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính:	198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	024 3934 3137

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quý luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quý.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quý thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quý với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quý khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quý, việc định giá tài sản Quý, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quý, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quý được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Võ Trí Thành

Phụ lục 3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Công ty:	CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Văn phòng số 6.02, Tầng 6, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, Số 15 Đường Trần Bạch Đằng, Khu Phố 39, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	028 3824 2220 --Và--
Tên Ngân Hàng Giám Sát:	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	106/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:	14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003
Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số	18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính:	198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	024 3934 3137

Theo đây cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HUYNH TUẤN KHÁNH

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thành



CHARTER
ORGANIZATION AND OPERATION
KIM GROWTH VN30 ETF

Ho Chi Minh City, May 29, 2026

TABLE OF CONTENTS

DEFINITIONS	6
Chapter I: GENERAL PROVISIONS	9
Article 1. Fund Name and Fund Contact Address	9
Article 2. Duration of operation of the Fund	9
Article 3. Organizational principles of the Fund	9
Article 4. Total mobilized capital and number of lots of fund certificates offered for sale	9
Article 5. Appointment of capital mobilization representative and offering of Fund Certificates	10
Article 6. Fund Management Company	10
Article 7. Supervisory Bank	Error! Bookmark not defined.
Chapter II: REGULATIONS ON INVESTMENT OBJECTIVES, POLICIES AND RESTRICTIONS	10
Article 8. Investment Objectives	10
Article 9. Investment Strategy	10
Article 10. Investment Restrictions	11
Article 11. Restriction of borrowing, lending, resale transactions, margin transactions	13
Article 12. Investment selection methods	13
Chapter III: INVESTORS, INVESTOR REGISTRATION NUMBERS AND TRANSACTION OF FUND CERTIFICATES	13
Article 13. Investors	13
Article 14. Rights and obligations of the Investor	14
Article 15. Conditions for Investors to participate in Portfolio Swap Transactions	15
Article 16. Register of Investors	15
Article 17. Structured securities/Fund certificates that perform swaps	16
Article 18. Swap of Structured Portfolio for Lot of Fund Certificates and vice versa (Primary Trading)	16
Article 19. Partial redemption, suspension of trading of Fund Certificates	21
Article 20. Trading ETF Certificates on HOSE (secondary trading)	22
Article 21. Issue price, redemption price, issuance service price, redemption service price	23
Article 22. Non-Commercial Transfers	23
Chapter IV: GENERAL MEETING OF INVESTORS	24
Article 23. Investor General Meeting	24
Article 24. Extraordinary General Meeting of Investors	24
Article 25. Conditions for conducting the meeting and approving the decision of the General Meeting of Investors	25
Article 26. Procedures for conducting the General Meeting of Investors and collecting opinions of the General Meeting of Investors in writing	26
Article 27. Approval of the decision of the General Meeting of Investors	27
Article 28. Opposition to the resolution of the General Meeting of Investors	28
Chapter V: FUND REPRESENTATIVE BOARD	28
Article 29. Board of Representatives of the Fund	28
Article 30. Criteria for selecting members of the Fund's Board of Representatives	29
Article 31. Rights and obligations of the Fund's Representative Board	29
Article 32. Rights and obligations of the Chairman of the Board of Representatives of the Fund	30
Article 33. Dismissal, dismissal and addition of members of the Fund's Board of Representatives	30
Article 34. Operating procedures of the Fund's Board of Representatives	31
Article 35. Fund Representative Board Meeting	31
Article 36. Minutes of the meeting of the Fund's Representative Board	31
CHAPTER VI: FUND MANAGEMENT COMPANIES	31

Article 37.	Criteria for selecting a fund management company	31
Article 38.	Rights and obligations of the Fund Management Company	32
Article 39.	Termination of rights and obligations to the Fund of the Fund Management Company	33
Article 40.	Restriction of the operation of the Fund Management Company	34
CHAPTER VII: SUPERVISORY BANK		35
Article 41.	Criteria for selecting a Supervisory Bank	35
Article 42.	Rights and obligations of the Supervisory Bank	35
Article 43.	Supervisory activities of the Supervisory Bank	36
Article 44.	Termination of rights and obligations to the Funds of the Supervisory Bank	37
Chapter VIII: RELATED SERVICE PROVIDERS		38
Article 45.	Authorized Activities	38
Article 46.	Criteria for selection of relevant service providers	38
Article 47.	Responsibilities of the relevant Service Provider	38
Article 48.	Responsibilities of the Fund Management Company for authorized activities	39
Article 49.	Termination of authorization activities	40
CHAPTER IX: DISTRIBUTORS		40
Article 50.	Fund Certificate Distributor	40
Chapter X: FUND-SETTING MEMBERS AND MARKET-MAKING ORGANIZATIONS		42
Article 51.	Conditions for selecting Fund Establishment Members	42
Article 52.	Rights and Responsibilities of Fund Builders	42
Article 53.	Market-making organizations	43
CHAPTER XI: AUDITING, ACCOUNTING AND REPORTING REGIME		43
Article 54.	Criteria for selection and change of Audit Firm	43
Article 55.	Fiscal Year	43
Article 56.	Accounting regime	43
Chapter XII: METHOD OF DETERMINING THE NET ASSET VALUE OF THE FUND		44
Article 57.	Determining the Fund's Net Asset Value	44
Article 58.	Principles for determining net asset value	44
Article 59.	Net Asset Value Determination Method	45
Article 60.	Compensation for damage to Investors and Funds	47
Chapter XIII: SERVICE PRICES, INCOMES AND OPERATING EXPENSES OF THE FUND		47
Article 61.	Prices of fund management services, prices of depository and supervision services	47
Article 62.	Income of the Fund	48
Article 63.	Operating expenses of the Fund	49
Article 64.	Distribution of the Fund's income	49
CHAPTER XIV: RESTRUCTURING AND DISSOLUTION OF FUNDS		50
Article 65.	Consolidation and merger of the Fund	50
Article 66.	Dissolution of the Fund	51
CHAPTER XV: RESOLUTION OF CONFLICTS OF INTEREST		53
Article 67.	Control conflicts of interest between the Fund and other funds, investment trust clients of the Fund Management Company and between the Fund and the Fund Management Company	53
CHAPTER XVI: INFORMATION DISCLOSURE AND AMENDMENTS TO THE CHARTER		53
Article 68.	Information disclosure, provision of information to Investors	53
Article 69.	Amendments and supplements to the Charter	54
Article 70.	Registration of the Fund's Charter and Implementation Terms	54
Appendix 1	COMMITMENT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY	56
Appendix 2	COMMITMENTS OF THE SUPERVISORY BANK	58

Appendix 3	JOINT COMMITMENT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK	59
------------	--	----

LEGAL BASIS

The establishment and operation of KIM Growth VN30 ETF and related matters are governed by:

1. Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 (amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 and Law No. 76/2025/QH15 and Law No. 89/2025/QH15);
2. Law on Securities No. 54/2019/QH14 (amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15) ("**Law on Securities**");
3. Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities (amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP);
4. Decree No. 156/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government regulating penalties for administrative violations in the field of securities and securities market (amended and supplemented by Decree No. 128/2021/ND-CP);
5. Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation and management of securities investment funds (amended and supplemented by Circular No. 136/2025/TT-BTC) ("**Circular 98**");
6. Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation of securities investment fund management companies (amended and supplemented by Circular No. 88/2025/TT-BTC);
7. Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05/9/2011 of the Ministry of Finance guiding accounting applicable to fund management companies;
8. Circular No. 198/2012/TT-BTC dated 15/11/2012 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to open-ended funds;
9. Circular No. 51/2021/TT-BTC dated June 30, 2021 of the Ministry of Finance guiding the obligations of organizations and individuals in foreign investment activities on the Vietnamese securities market (amended and supplemented by Circular No. 20/2025/TT-BTC);
10. Circular No. 135/2025/TT-BTC dated 26/12/2025 of the Ministry of Finance regulating securities practice;
11. Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance (amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC, Circular No. 18/2025/TT-BTC and Circular No. 08/2026/TT-BTC);
12. Circular No. 181/2015/TT-BTC dated 13/11/2015 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to exchange-traded funds;
13. Circular No. 83/2024/TT-BTC dated 26/11/2024 of the Ministry of Finance guiding mechanisms and policies on service prices in the field of securities valued by the State applied at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;
14. Relevant guiding legal documents (amended, supplemented and replaced from time to time).

DEFINITIONS

Unless the context states otherwise, the following words and phrases shall have the following meanings:

"Exchange-traded Fund" or "Fund" or "ETF"	It is KIM Growth VN30 ETF, a type of open-ended fund, formed from the receipt and swap of the Structured Securities Portfolio for fund certificates. Fund Certificates are listed and traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.
"Fund Management Company"	<p>Being KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd., established under the Establishment and Operation License No. 59/UBCK-GP dated 01/10/2020 and the Licenses adjusted from time to time; Business Registration Certificate No. 0305683167 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the first time on 01/10/2020 and amendments and supplements from time to time.</p> <p>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd. is entrusted by the Investor to manage the KIM Growth VN30 ETF, has the rights and obligations as prescribed in the Charter of this Fund; and authorized to sign a Supervisory Contract with the Supervisory Bank.</p>
"Supervisory Bank"	Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam, Certificate of Enterprise Registration No. 0100112437 registered by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008 (and amendments and supplements from time to time) and Certificate of Registration of Securities Depository No. 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/5/2003, Certificate of Depository Member No. 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository on 07/07/2006, providing services (i) preservation and depository of securities and documents certifying the lawful ownership of the Fund's assets; economic contracts and documents related to the Fund's assets and at the same time supervise the Fund's activities; (ii) perform the function of supervising the entire asset management of the Fund managed by the Fund Management Company.
"Audit Firm"	As an Independent Audit Firm for ETFs, on the list of Audit Firms approved by the State Securities Commission, performing annual audits of ETF assets. The Audit Firm is decided annually by the General Meeting of Investors in accordance with the Fund's Charter and relevant laws.
"Fund Charter"	Include this document, the attached Appendices and lawful amendments (if any).
"Prospectus"	It is an electronic document or data that publicizes accurate, honest and objective information related to the offering, issuance and listing of the Fund's Fund Certificates.
"Supervisory Contract"	It is a contract signed between the Fund Management Company and the Supervisory Bank approved by the Fund's General Meeting of Investors.
"Investor"	Being domestic and foreign individuals and organizations holding Fund Certificates.
"General Meeting of Investors"	It is a general meeting of investors with the right to vote held regularly or irregularly to approve important issues related to the Fund. The General Meeting of Investors is the highest authority of the Fund.
"Board of Representatives of the Fund"	Being the representatives of the Investor elected by the General Meeting of Investors to supervise the activities of the Fund, the Fund Management Company and the Supervisory Bank on behalf of the Investor.
"Charter capital"	It is the total amount of cash capital or the value of shares contributed by all Fund Members and Investors at the initial public offering of

	Fund Certificates and stated in the Fund's Charter.
"Fund Certificate" or "ETF Certificate"	It is a type of securities that confirms the Investor's ownership of a part of the contributed capital at the Fund. The face value of 01 Fund Certificate is 10,000 VND.
"Fund Certificate Lot" or "ETF Lot"	One batch of ETF certificates consists of one hundred thousand (100,000) Fund certificates. ETF lot is a trading unit in trading under the portfolio swap mechanism between ETFs and Fund Members and Investors.
"Issuance Service Price"	It is the service price that an Investor or Fund Setting Member must pay to the Fund Management Company when purchasing Lots of Fund Certificates in the initial public offering or performing a transaction of swapping the Portfolio of Structured Securities for Lots of Fund Certificates.
"Redemption Service Price"	It is the service price that Investors and Fund Establishment Members must pay to the Fund Management Company when swapping Fund Certificate Lots for a Portfolio of Structured Securities.
"Fund Income"	It is the remaining profit of the Fund after deducting valid expenses and is decided by the General Meeting of Investors to divide according to the ownership ratio of the Investor.
"Fiscal Year"	Starting from January 01 to the end of December 31 of the calendar year every year. The first fiscal year of the Fund shall be counted from the date the Fund is granted the Certificate of Fund Establishment Registration by the State Securities Commission until the end of December 31 of that year. In case the period from the beginning of the date of establishment of the ETF to the end of December 31 of the same year is shorter than ninety (90) days, the first accounting period shall be counted from the date of establishment of the ETF to the end of December 31 of the following year.
"Net Asset Value of the Fund" or "NAV"	It is the total market value of assets in the portfolio minus the total liabilities of the Fund. The Fund's total liabilities are the debts or payment obligations of the Fund as of the day preceding the Valuation Date.
"Reference Net Asset Value on a Fund Certificate" or "iNAV"	Is the Net Asset Value on an ETF Certificate determined during the trading session.
"Valuation date"	It is the date on which the Fund Management Company determines the Net Asset Value of the Fund in accordance with applicable laws.
"Swap Trading Date"	It is the Valuation Date on which the ETF, through the Fund Management Company, issues and redeems the Lots of ETF Certificates from the Fund Founding Members and Investors under the portfolio swap mechanism.
"Cut-off Time"	It is the last time that the Fund Member or Distributor receives a swap order from the Investor for execution on the Swap Trading Date. The Cut-off Time is specified in the Fund's Charter, publicly disclosed in the Prospectus, Summary Prospectus, and must not be later than the market closing time on the Swap Trading Day of the HOSE where the Fund Certificates are listed.
"Fund Founding Member"	As a securities company registered for securities brokerage and proprietary trading activities, the depository bank has signed a contract to set up a fund with the Fund Management Company.
"Market Maker Organization"	Be a Fund Founding Member selected by the Fund Management Company to sign a contract to provide market making services for

		the Fund.
"Distributor"		Being Fund Founding Members or securities companies engaged in securities brokerage business, having a Certificate of registration for the distribution of Public Fund Certificates and having signed a contract for distribution of Fund Certificates with the Fund Management Company.
"Transfer Agency Service Provider"		Being a Fund Management Company or a service provider authorized by the Fund Management Company to provide Transfer Agency Service Provider services in accordance with the provisions of this Fund Charter.
"Reference Index"		As the VN30 index, an index by market capitalization, consisting of 30 constituent stocks, representing the activities of 30 companies listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with the largest capitalization and liquidity, meeting the eligibility to participate in the set of indices and the screening conditions as prescribed. This index is developed by HOSE in accordance with the current law. Detailed information of this index can be found on HOSE's website.
"Structured securities"		It is the underlying securities that constitute the securities portfolio of the VN30 Index, excluding derivative securities.
"Structured securities portfolio"		A portfolio of Structured Securities that are designed to simulate the volatility of the Reference Index and are accepted by the Fund Management Company in swaps for ETF Lots.
"Swap Orders"	Trading	Including: Subscription Order, in which the Fund Member or Investor requests the Fund to receive the Structured Securities Portfolio and issue Fund Certificate Lots; and Redemption Order, in which the Fund Member or the Investor requests the Fund to receive the Fund Certificate Lots and return the Structured Securities Portfolio.
"Portfolio Swap"		It is the exchange of the Structured Securities Portfolio for the Lot of Fund Certificates and vice versa. The Portfolio Swap transaction is conducted between the Fund and the Fund Founding Member, the Investor meets the conditions specified in the Prospectus and this Charter.
"Business Day"		It is any day other than Saturday, Sunday or public holiday on which the stock exchanges and banks in Vietnam are open for normal business activities.
"Register Investors"	of	It is a document in any form that records information about the Investor and the ownership status of the Investor's Fund Certificate.
"E-voting"		It is a form that helps investors to exercise their voting rights via the internet, through computers and mobile devices.
"VSDC"		The Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation or any other agency that replaces or inherits the powers and obligations of this agency.
"SSC"		is the State Securities Commission of Vietnam.
"HOSE" or "Stock Exchange"		is the Ho Chi Minh City Stock Exchange.
"VND" or "Vietnamese Dong"	or	It is a legally circulating currency of Vietnam.
"Other Definitions"		Other definitions (if any) shall be construed as stipulated in the Securities Law and other relevant documents.



Chapter I: GENERAL PROVISIONS

Article 1. Fund Name and Fund Contact Address

Full name in Vietnamese: KIM Growth VN30 ETF

Full name in English: KIM Growth VN30 ETF

Abbreviation: KIM VN30 ETF

Contact: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.,

- Head office: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Phone: 028 3824 2220

Article 2. Duration of operation of the Fund

The Fund's operation time is calculated from the date the Fund is granted the Fund Establishment Registration Certificate by the SSC and is not limited to the operation duration.

Article 3. Organizational principles of the Fund

KIM Growth VN30 ETF is an open-ended public fund, formed from the receipt and swap of the Portfolio of Structured Securities for Fund Certificates in accordance with the provisions of Vietnamese law, Fund Certificates are listed and traded on the Stock Exchange..

Article 4. Total mobilized capital and number of lots of fund certificates offered for sale

- 4.1. The total capital of the Fund is constituted by the capital contributed by the Fund Founding Members and Investors. The Charter capital mobilized in the initial public offering of the Fund is at least VND 50,000,000,000. This capital is divided into 50 Lots of Fund Certificates.
- 4.2. The face value of a Fund Certificate is 10,000 VND.
- 4.3. In the initial offering, each Register of Investors to buy at least 01 lot of Fund Certificates, each Fund Founding Member registers to buy lots of Fund Certificates according to the agreement between the Fund Founding Member and the Fund Management Company but must not be less than 01 Lot of Fund Certificates.
- 4.4. Fund Members and Investors who contribute capital to the establishment of the Fund by swapping the Structured Securities Portfolio for Fund Certificate Lots issued by the Fund, except for the case specified in Article 4.5. The Portfolio of Structured Securities and the number of Lots of Fund Certificates distributed to Fund Members and Investors are determined on the basis of the Reference Index of the last trading day of the offering.
- 4.5. Investors and Fund Establishment Members are only allowed to contribute capital to the establishment of the Fund in cash in the following cases:
 - 4.5.1. There is a difference between the value of the Structured Securities Portfolio and the Issue Price of the Lot of Fund Certificates.
 - 4.5.2. Securities in the Portfolio of Structured Securities that Fund Members and Investors are restricted from transferring or investing due to foreign ownership limitations at the time of transaction.
 - 4.5.3. Securities in the Swap Structure Portfolio arise corporate events such as cash dividends, stock dividends, bonus shares, and the right to purchase additionally issued shares that the Fund is not recognized because the Fund has not transferred the ownership of securities to the Fund during the period of capital contribution.
 - 4.5.4. The process of making additional cash payments is specified in detail in the Prospectus.
- 4.6. The order, procedures and conditions for registration and capital contribution for the establishment of the Fund are specified in detail in the Prospectus.

- 4.7. The entire Portfolio of Structured Securities of Fund Members and Investors is blocked at VSDC. Immediately after the Fund Establishment Registration Certificate takes effect, these assets are deposited on the Fund's depository account opened at the Supervisory Bank.
- 4.8. Within 30 days from the effective date of the Fund Registration Certificate, the Fund Management Company will complete the procedures for listing the Fund Certificate on HOSE.

Article 5. Appointment of capital mobilization representative and offering of Fund Certificates

The legal representative of the Fund Management Company shall be appointed as the representative to raise capital and offer the Fund Certificates to the public.

Article 6. Fund Management Company

Company Name: KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

Establishment and operation license number: 59/UBCK-GP issued by the SSC on 01/10/2020 (and amendments and supplements from time to time)

Head Office Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: 028 3824 2220

Article 7. Supervisory Bank

Name of Supervisory Bank: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM

Establishment and operation license number: 106/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on 17/12/2019 (and amendments and supplements from time to time)

Enterprise Registration Certificate No.: 0100112437 was first registered by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008 (and amendments and supplements from time to time)

Certificate of registration of digital depository activities: 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/05/2003

Digital depository member certificate 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository on 07/07/2006

Head Office Address: 198 Tran Quang Khai, Hoan Kiem Ward, Hanoi

Phone: 024 3934 3137

Chapter II: REGULATIONS ON INVESTMENT OBJECTIVES, POLICIES AND RESTRICTIONS

Article 8. Investment Objectives

The Fund's investment objective is to simulate as closely as possible the volatility of the Reference Index after deducting the Fund's costs. The Reference Index is the VN30 index developed and managed by HOSE as described in detail in the Prospectus.

The Fund Management Company is responsible for ensuring that the deviation from the Reference Index does not exceed the maximum deviation as prescribed by HOSE.

Article 9. Investment Strategy

9.1. Investment Strategy

-
- 9.1.1. The fund uses a passive investment strategy with the goal of sticking to the Reference Index's rate of return by investing in the Reference Index's Structured Portfolio of Securities.
- 9.1.2. When there is a change in the above portfolio, the Fund will adjust the Fund's portfolio to match the Reference Index's portfolio in terms of asset structure and proportion.
- 9.1.3. The fund will aim to have similar results to the reference index and not implement a defensive strategy when the market falls and not realize profits when the market is overvalued. Passive investing aims to minimize costs and more closely emulate the reference index by maintaining a lower investment turnover ratio than funds that use an active investment strategy.
- 9.1.4. The Fund has flexibility in allocating investment assets depending on the market situation and investment opportunities at different times based on the judgment of the Fund Management Company with the goal throughout the entire period of the Fund's operation to protect the interests of Investors. However, the allocation of investment assets must not exceed the investment restrictions specified in the Charter, the Prospectus and current laws.
- 9.2. Fields and industries to be invested in
- The Fund is allowed to invest in all industries and trades of the Vietnamese securities market that are not prohibited by law, in accordance with the Fund's investment strategy.
- 9.3. Types of assets the Fund is allowed to invest in
- 9.3.1. The Fund's investment portfolio must be consistent with the Reference Index's portfolio in terms of structure and proportion of assets, including at least 50% of the underlying securities forming the Reference Index (the portfolio of securities of the Reference Index). The value of the Structured Securities Portfolio is not lower than 95% of the value of the corresponding portfolio of securities of the Reference Index. The Portfolio has a deviation from the nearest Reference Index that does not exceed the maximum deviation as prescribed by HOSE and the provisions of law.
- 9.3.2. The Fund's portfolio consists of Structured Securities in the Reference Index portfolio and the following major assets in Vietnam. Investing in derivatives is only for the purpose of hedging risks and minimizing deviations from the Reference Index.
- a) Deposits at commercial banks in accordance with the banking law;
 - b) Money market instruments include valuable papers and negotiable instruments as prescribed by law;
 - c) Government debt instruments, government-guaranteed bonds, local government bonds;
 - d) Bonds listed on stock exchanges, public fund certificates;
 - e) Listed stocks and stocks registered for trading on the stock exchanges of Vietnam.
 - f) Derivative securities are listed for trading on the Stock Exchanges and only aim to hedge risks for the underlying securities that the Fund is holding and minimize the deviation from the Reference Index;
 - g) Rights arising in association with the securities that the Fund is holding.
- 9.3.3. The Fund Management Company is only allowed to deposit money and invest in money market instruments specified at Points a and b, Article 9.3.2 of the credit institutions on the list approved by the Fund's Board of Representatives.

Article 10. Investment Restrictions

-
- 10.1. The Fund's investment portfolio structure must comply with the following principles:
- 10.1.1. Not allowed to invest in Fund Certificates of KIM Growth VN30 ETF.
 - 10.1.2. It is not allowed to invest in securities of an issuer that issues more than 10% of the total value of outstanding securities of that organization, except for the Government's debt instruments.
 - 10.1.3. It is not allowed to invest more than 20% of the total value of the Fund's assets in outstanding securities and other assets (if any) specified at Points a, b, Article 9.3.2 of this Charter of an issuing organization, except for government debt instruments.
 - 10.1.4. Except for structured securities on the list of reference indices, it is not allowed to invest more than 30% of the total value of the Fund's assets in the assets specified at Points a, b, d and e, Article 9.3.2 issued by companies in the same group of companies having ownership relationships with each other in the following cases: parent companies and subsidiaries; companies owning more than 35% of each other's shares and contributed capital; a group of subsidiaries with the same parent company.
 - 10.1.5. Do not invest in real estate.
 - 10.1.6. Not to invest in securities issued by the Fund Management Company, Related Persons of the Fund Management Company, Fund Establishment Members, except in the case of Structured Securities in the portfolio of the Reference Index.
 - 10.1.7. It is only allowed to invest in public fund certificates and stocks of other securities investment companies managed by other fund management companies and meet the following restrictions:
 - a) Do not invest in more than 10% of the total outstanding fund certificates of a public fund, outstanding stocks of a public securities investment company;
 - b) Not to invest more than 20% of the total value of the Fund's assets in fund certificates of a public fund or a public securities investment company;
 - c) Do not invest more than 30% of the total value of the Fund's assets in public fund certificates, shares of public securities investment companies.
- 10.2. The Fund's investment structure may only exceed the investment restriction in the cases specified in Article 10.1.2, Article 10.1.3, Article 10.1.4 and Article 10.1.7 when:
- 10.2.1. Fluctuations in the market price of assets in the Fund's Portfolio;
 - 10.2.2. Making the Fund's payments in accordance with the law, including the execution of the Investor's trading orders;
 - 10.2.3. Division, separation, consolidation and merger of issuers;
 - 10.2.4. The structure of the Reference Index's portfolio changes;
 - 10.2.5. The fund is newly licensed for establishment but the operation time does not exceed 03 months from the date of issuance of the fund establishment registration certificate;
 - 10.2.6. The fund is in the process of dissolution.
- 10.3. Within 03 months from the date of deviations arising due to the reasons specified in Article 10.2.1 to 10.2.5, the Fund Management Company is obliged to notify the SSC and must readjust the investment portfolio to ensure the investment limits specified in Article 10.1.
- 10.4. In case the Fund Management Company fails to comply with the investment restrictions as prescribed by law or the Fund's Charter, the Fund Management Company shall be responsible for reading the investment portfolio within 15 days from the date the discrepancy arises. In this case, the Fund Management Company

shall bear all costs incurred in connection with these transactions and losses (if incurred). If profits arise, they must immediately account all profits earned for the Fund. Within 05 working days from the date of completion of the adjustment of the Investment Portfolio, the Fund Management Company must disclose information as prescribed, and at the same time notify the SSC of the deviations in the structure of the Investment Portfolio, the causes, the time of occurrence or discovery of the incident, the extent of damage caused to the Fund (if any) or profits generated to the Fund (if any), remedial measures, time and results of remediation.

- 10.5. The Fund shall make outward indirect investment in accordance with the law on investment after being approved by the SSC to allow offshore indirect investment and ensure the following principles:
- 10.5.1. The Fund has been granted an offshore indirect investment limit by the State Bank of Vietnam;
 - 10.5.2. The Fund may only invest indirectly abroad in assets specified in the Fund's Charter and in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam;
 - 10.5.3. The Fund is not allowed to invest more than 20% of the Fund's Net Asset Value abroad and not exceed the registered investment limit certified by the State Bank of Vietnam.
 - 10.5.4. The Fund's outward indirect investment structure, outward indirect investment limit and adjustment of outward indirect investment limit must comply with regulations on investment structure, investment limit and adjustment of investment limit as prescribed in this Article.

Article 11. Restriction of borrowing, lending, resale transactions, margin transactions

- 11.1. The Fund Management Company may not use the Fund's capital and assets to lend or guarantee any loan.
- 11.2. The Fund Management Company is not allowed to borrow to finance the Fund's investment activities, except for short-term loans in accordance with the banking law to cover necessary expenses for the Fund or to make payments for Fund Certificate transactions with Investors. The total value of the Fund's short-term loans must not exceed 5% of the Fund's Net Asset Value at all times and the maximum loan term is 30 days.
- 11.3. The Fund Management Company is not allowed to use the Fund's assets to carry out margin transactions (securities loans) for the Fund or for any other individuals and organizations; must not use the Fund's assets to carry out short selling and lending transactions of securities.

Article 12. Investment selection methods

The Fund Management Company will select the Fund's investment stocks based on the following principles:

- 12.1. The Fund invests in the Structured Securities Portfolio including at least 50% of the underlying securities that form the Reference Index (the portfolio of securities of the Reference Index).
- 12.2. The value of the Structured Security Portfolio of a common fund is not lower than 95% of the value of the corresponding portfolio of securities of the Reference Index.
- 12.3. When the Reference Index changes at periodic or irregular review periods, the Fund will adjust the investment portfolio, the proportion of symbols corresponding to the change of the Reference Index.

Chapter III: INVESTORS, INVESTOR REGISTRATION NUMBERS AND TRADING OF FUND CERTIFICATES

Article 13. Investors

- 13.1. Investors of the Fund can be domestic and foreign organizations and individuals, owning at least 01 Fund Certificate. The Investor assumes no liability or obligation other than liability within the number of Fund Certificates that he or she owns.

-
- 13.2. The Investor is an organization consisting of domestic and foreign economic and social organizations that are legally established and operating. The Investor is an organization that appoints a legal representative to represent the number of Fund Certificates that it owns. The nomination, cancellation or replacement of this representative must be notified in writing and signed by the authorized representative of the Investor.
 - 13.3. The Fund Management Company has the right to accept or reject the Investor's application for capital contribution to establish the fund and is not obliged to provide the reason for the refusal to the Investor.
 - 13.4. Foreign investors are not restricted from their ownership in the Fund.
 - 13.5. State agencies and units of the Vietnamese people's armed forces are not allowed to contribute capital to the establishment of the Fund or purchase Fund Certificates. The participation in capital contribution to the establishment of the Fund and the purchase of Fund Certificates by credit institutions, insurance enterprises, securities companies, fund management companies and state-owned enterprises shall comply with relevant specialized laws.
 - 13.6. The Fund Management Company and related persons of the Fund Management Company may contribute capital to establish the Fund, purchase Fund Certificates, and trade Fund Certificates that the Fund Management Company is managing at the same transaction price as other investors.

Article 14. Rights and obligations of the Investor

- 14.1. The Investor has the following rights and obligations:
 - 14.1.1. The rights and obligations specified in Article 101 of the Law on Securities.
 - 14.1.2. The right to be treated fairly, each Fund Certificate gives the owner equal rights, obligations and benefits.
 - 14.1.3. Freely transfer Fund Certificates as prescribed in the Charter, except for cases where transfer is restricted in accordance with the provisions of law and the Charter.
 - 14.1.4. The right to full access to periodic and irregular information about the Fund's activities.
 - 14.1.5. Rights and responsibilities to participate in meetings of the General Meeting of Investors and exercise the right to vote in person or through an authorized representative or conduct remote voting (sending letters, faxes, emails, attending online conferences, electronic voting or other electronic forms).
 - 14.1.6. The obligation to fully pay the money for the purchase of the Fund certificates within the time limit specified in the Fund's Charter and the Prospectus and only be responsible for debts and other property obligations of the Fund within the amount paid when purchasing the Fund certificates.
 - 14.1.7. Other rights and obligations as prescribed by the law on securities and this Charter.
- 14.2. Investors or groups of Investors who own 5% or more of the total outstanding Fund Certificates also have the following rights:
 - 14.2.1. Review and extract the minutes and resolutions of the Fund's Board of Representatives, annual financial statements and reports of the Supervisory Bank related to the Fund's activities.
 - 14.2.2. Request the Fund Management Company to convene an extraordinary General Meeting of Investors in the following cases:
 - a) The Fund Management Company or the Supervisory Bank violates the rights of the Investor or the obligations of the Fund Management Company or the Supervisory Bank or makes decisions in excess of the authority specified in the Fund's Charter, the Supervisory Contract or assigned by the General Meeting of Investors, causing losses to the Fund;

- b) The Fund's Representative Board has expired for more than 06 months and has not been elected to replace it;
 - c) Other cases as prescribed in the Charter.
- 14.2.3. Request the Fund Management Company and the Supervisory Bank to explain abnormal issues related to the Fund's assets and asset management and trading activities. Within 15 days from the date of receipt of the request, the Fund Management Company and the Supervisory Bank must reply to the Investor.
- 14.2.4. Propose the issue to be included in the agenda of the General Meeting of Investors. The proposal must be in writing and sent to the Fund Management Company no later than 10 working days before the opening date.
- 14.2.5. Other rights and obligations as prescribed in the Fund's Charter.
- 14.3. Investors or groups of Investors who own 10% or more of the total outstanding Fund Certificates have the right to nominate persons to the Fund's Representative Board. The order and procedures for nomination shall comply with the provisions of the enterprise law applicable to the nomination of persons to the board of directors of shareholders and groups of shareholders owning 10% or more of the total number of ordinary shareholders.
- 14.4. Requests and proposals of the Investor or a group of Investors as prescribed in Articles 14.2 and 14.3 must be made in writing and must contain (i) the full name, contact address, personal identification number or passport or other lawful personal identification for the Investor being an individual; name, address of the head office, nationality, number of the establishment decision or number of the enterprise registration certificate for the investor being an organization; (ii) the number of Fund Certificates held and the time of holding by each Investor, the total number of Fund Certificates of the whole group of Investors and the percentage of ownership in the total outstanding Fund Certificates of the Fund; (iii) the content of the request or recommendation; (i) Grounds and reasons.
- 14.5. In case of convening an extraordinary General Meeting of Investors as prescribed in Article 14.2.2, it must be enclosed with documents verifying the reason for the convening of the Extraordinary General Meeting of Investors; or documents and evidences of violations committed by the Fund Management Company, the Supervisory Bank or on decisions beyond its competence as prescribed in the Fund's Charter, Contract of Monitoring.

Article 15. Conditions for Investors to participate in Portfolio Swap Transactions

When participating in a Portfolio Swap transaction, the Investor must ensure the following conditions:

- 15.1. The Investor owns sufficient Structured Securities and meets the requirements on the proportion and quantity of securities in the Structured Securities Portfolio as notified by the Fund Management Company when swapping Structured Securities for Fund Certificates, except for the case of monetary supplementation as prescribed in this Charter.
- 15.2. The Investor owns at least 01 lot of Fund Certificates, equivalent to 100,000 Fund Certificates, when swapping Fund Certificates for structured securities.
- 15.3. The Investor is only allowed to conduct swap transactions at the Fund Setting Member where the Investor opens a securities trading account and has signed a service contract on swap trading.

Article 16. Register of Investors

- 16.1. The Fund Management Company shall perform or authorize the Transfer Agency Service Provider service provider to establish and manage the main Register of Investors (Primary Register) or authorize the agent to establish and manage the registration of secondary investors (Sub-register) and certify the ownership of the Fund certificate for the Investor.

- 16.2. The main and secondary books must contain the following information:
- 16.2.1. Name and address of the head office of the Fund Management Company; name and address of the head office of the Supervisory Bank; full name of the Fund; listed securities code of the Fund.
 - 16.2.2. The total number of Fund Certificates entitled to be offered for sale, the total number of Fund Certificates sold and the total capital mobilized for the Fund.
 - 16.2.3. List of Investors and Fund Establishment Members: (i) full name, personal identification number or passport or other legal personal identification, contact address (for individuals), full name, abbreviated name, number of the Enterprise Registration Certificate or number of the Establishment Decision, head office address (for organizations); (ii) securities depository account number (if any); (iii) the Investor's account number or sub-account number attached to the signature account number; (iv) the number of Fund Certificates/Lot of Fund Certificates; (v) ownership ratio; (vi) the date of registration of purchase and the date of payment; (vii) VSDC's confirmation of the details of the structural list of each Fund Founding Member and Investor who is being blocked for the purpose of inclusion in the Fund.
 - 16.2.4. The date of making the Register of Investors.
- 16.3. The fund management company and the Transfer Agency Service Provider service provider must always have full information about the ownership of each Investor, including the Investor trading on a nominal account. The information about the Investor's assets on the Ledger is proof of the Investor's ownership of the Fund certificate.

Article 17. Structured securities/Fund certificates that perform swaps

- 17.1. Swap-based Structured Securities are securities in the Portfolio of Swapped Structured Securities as notified by the Fund Management Company and are freely transferable securities, which are being deposited on the depository account of the Investor and the Fund Establishment Member.
- 17.2. The Fund Certificate conducting the swap transaction must be freely transferable and be deposited on the depository account of the Fund Founding Member or the Investor.
- 17.3. Structured Securities/Fund Certificates that perform swaps can be obtained from the following sources:
- 17.3.1. For Foundation Members:
 - a) Structured Securities/Fund Certificates are available on the depository account of the Fund Member on the swap trading date and securities pending settlement from Subscription Orders filled prior to the Swap Trading Date (T Day);
 - b) Structured Securities/Fund Certificates borrowed through VSDC's borrowing and lending system for the purpose of performing swap transactions are in the securities custody account of the Fund Member.
 - 17.3.2. For Investors: Structured Securities/Fund Certificates are available in the Investor's custodial account on the Swap Date.

Article 18. Swap of Structured Portfolio for Lot of Fund Certificates and vice versa (Primary Trading)

- 18.1. Within 07 days from the effective date of issuance of the fund certificate offering, the Fund Management Company will disclose information on the initial offering of fund certificates. The initial offering and distribution of Fund Certificates shall comply with the provisions of the Prospectus.
- 18.2. The swap of Structured Securities Portfolio for Fund Certificate Lots applicable to Fund Members and Investors shall be carried out according to the following principles:

-
- 18.2.1. Applicable to Investors who meet the conditions specified in Article 15 of the Charter and to Fund Establishment Members stated in the Prospectus or as updated by the Fund Management Company.
- 18.2.2. The Investor's swap transaction is only carried out through the Fund Setting Member, where the Investor opens a securities trading account and has signed a swap service contract.
- 18.2.3. Trading frequency of the Fund:
- a) Swaps are performed on a daily basis ("Swap Transaction Days")
 - b) In case the Swap Trading Date falls on a public holiday, the Fund Management Company will notify the Investor, the Distributor and relevant service providers and publish it on the website of the Fund Management Company. The change of the Swap Trading Date will be notified to the Investor, Distributor, Supervisory Bank, relevant Service Providers and announced on the website of the Fund Management Company and HOSE. The Fund Management Company may change the frequency of transactions and/or the Swap Transaction Date as it deems necessary, provided that it is approved by the General Meeting of Investors in accordance with the provisions of this Charter and the Law, ensuring that the frequency of swap transactions is carried out at least 02 times in 01 month.
 - c) Cut-off Time: It is 14:40 on the Swap Trading Day (T Day). This is the last time that the Fund Setting Member or Distributor receives the Investor's Swap Order.
- 18.2.4. The minimum swap unit is one Lot of Fund Certificates. The Fund Management Company reserves the right to adjust the number of Fund Certificates in a Lot of Fund Certificates, but must ensure that one Lot of Fund Certificates is not less than 100,000 Fund Certificates. In case of any adjustment, the time of application of the new Lot of Fund Certificates will be implemented at least 15 days after the information about the size of the new Lot of Fund Certificates is published on the websites of HOSE, VSDC, Fund Management Company, etc. Fund-Setting Members and Distributors.
- 18.2.5. Structured securities and ETF certificates in swap transactions must ensure the conditions specified in Article 17 of this Charter.
- 18.2.6. The Investor's Swap Order will be forwarded to the Fund Setting Member (including the case where the Investor places an order through a Distributor) and be directly received by the organization that receives the Swap Order in accordance with the securities law. The Fund Member's Swap Order will be stored by the Fund Member in accordance with securities laws. The order has been filled in accurately and fully as prescribed. In case the Distributor or Fund Setting Member receives Swap Orders via the internet, telephone or fax depending on their ability to respond, the implementation in these forms must comply with regulations on electronic and securities transactions and must ensure:
- a) Record fully, accurately, promptly and clearly the time of receipt of the order and the person receiving the order.
 - b) Before implementation, the Fund Management Company must reconfirm with the Fund Founding Member and the Fund Setting Member reconfirm with the Investor. The Fund Founding Member and the Investor must provide the Fund Management Company with the original order slip signed by the authorized representative for archiving. The time for providing the original order slip is specified by the Fund Management Company in the contract to participate in the establishment of the Fund and the Prospectus.
- 18.2.7. A Swap order can only be executed when the following conditions are fully met:

correct the transaction error according to the process. VSDC's guidance;

- b) Past the above-mentioned time limit, the Distributor or Fund Setting Member shall be responsible to the Investor for the transaction errors made by him/her.

18.3.4. Confirmation and execution of Swap Orders:

- a) After receiving the Investor's order, the Fund Establishment Member, the Fund Management Company, the Supervisory Bank shall be responsible for checking, through VSDC, the Investor's ability to execute the Investor's order to ensure that it meets the provisions of Article 17.3, confirming and executing the Investor's trading order, Members set up the Fund in accordance with the provisions of this Clause and the guidance of VSDC;
- b) Within 03 working days from the Swap Transaction Date but not later than the next trading date of the Fund Certificates, VSDC and the Supervisory Bank must complete the transfer of the Structured Securities Portfolio from the depository account of the Investor or the Fund Founding Member to the depository account of the Fund or vice versa. at the same time, register and deposit the Fund Certificates into the accounts of Investors and Fund Establishment Members; receive payments in cash specified in Article 18.4 of this Charter; The Fund Management Company is responsible for confirming the completion of the transaction and VSDC confirming the ownership of the Fund Founding Members and Investors.

Within 03 Business Days from the Swap Transaction Date, the Supervisory Bank must complete the refund of cash payments to the Fund Founding Members and Investors specified in Article 18.4 of this Regulation at the lawful request of the Fund Management Company.

18.4. The Structured Securities Portfolio is the main means of payment in swap transactions between the Fund and the Fund's Founding Members and Investors, except in the following cases:

- 18.4.1. When swapping a Portfolio of Structured Securities for Lots of Fund Certificates, the value of the Portfolio of Structured Securities is less than the Net Asset Value of the Lots of Fund Certificates. The difference incurred shall be paid in cash by the Fund Founding Member and the Investor to the account of the ETF opened at the Supervisory Bank before or on the payment date as detailed in the Prospectus. The payment in cash, including the payment for odd lots of Structured Securities; payments for Structured Securities that the Fund Member or Investor is restricted from transferring; dividends and dividends of Structured Securities; the payment for the additional purchase of the Structured Securities to execute the Swap Transaction resulting in the Investor owning 25% or more of the voting shares of an institution for which the Investor has not made a public offer; the payment for the Structured Securities held to execute the Swap Transaction resulting in the Investor Owning shares issued by the Investor but the Investor has not carried out the procedures for trading treasury shares and other cash payments as prescribed in the Fund's Charter, in accordance with the provisions of relevant laws.
- 18.4.2. When swapping ETF lots for structured securities portfolios, the value of ETF lots received by the Fund Management Company from the Fund Founding Members and Investors is more than the value of the Structured Securities Portfolio. This difference shall be refunded by the Fund Management Company and the Supervisory Bank in the form of ETF Certificates to the securities depository accounts of the Investor and the Fund Establishment Member on the payment date, or in cash to the accounts of the Investor and the Fund Establishment Member as detailed in this Fund Charter and the Prospectus.

In case the ETF's Structured Securities have the right to receive dividends in shares and the ETF has been named on the list of securities holders on the last date of registration made by VSDC but on the date of settlement of the Swap Transaction, the number of securities arising from the right has not been allocated to the depository account of the ETF, The ETF must use all the Structured Securities already in the Fund's depository account to reimburse the Fund Founding Members and Investors. ETFs are reimbursed in lieu of the amount of Structured Securities arising from the right but have not yet been allocated to the Fund's custodial account. Before the Swap Trading session or at the end of the day immediately preceding the Swap Trading Date, the Fund Management Company shall notify the Fund Founding Member, VSDC and publish information on the website of the Fund Management Company and the Stock Exchange of the Portfolio of Structured Securities arising from the right to be paid in cash.

The information includes the Structured Securities symbols, the amount paid for a Structured Security. The above-mentioned Structured Securities Portfolio is determined on the basis of the end-of-day price on the trading day immediately preceding the Fund Certificate Swap Trading Date.

18.5. Restrictions on Investors' Ownership of Structured Securities:

- 18.5.1. In case the Fund receives the Lots of Fund Certificates from the Fund Founding Member, the Investor and returns the Structured Securities Portfolio to the Fund Establishment Member, the Investor causes: (i) the ownership ratio of the Structured Securities exceeds the maximum limit prescribed by law on the date of transfer of ownership to the Investor, Fund Establishment Members; (ii) The Investor or Fund Member owns 25% or more of the outstanding shares of an organization; or (iii) the Fund Founding Member, the Investor owns the shares issued by the Fund Founding Member or the Investor.
- 18.5.2. Upon the occurrence of the case specified in this Article 18.5.1, VSDC shall notify the Fund Management Company and request the Fund Management Company, Fund Establishment Members and Investors to carry out the following activities:
 - a) For Foreign Investors: The Fund Management Company must sell the structured securities in excess of the maximum ownership ratio and make cash payments to these Investors.
 - b) For Investors in cases (ii) and (iii), the Fund Management Company must sell the securities in excess of the ratio required to be offered for public tender or sell the entire securities issued by the Investor or the Fund Founding Member and pay in cash to the Investor, Members set up this fund.
- 18.5.3. The payment of money to these investors depends on the progress of selling and liquidating the securities in excess of the maximum ownership rate or the ownership rate that must be offered for public tender and margin trading as prescribed. The payment to the Investor is the transaction value, after deducting taxes and transaction costs in accordance with the law.
- 18.5.4. In case the Investor is restricted from owning the Structured Securities for other reasons as prescribed by law or the Investor's charter, the Investor is responsible for selling the Structured Securities in excess of the restricted amount on the next trading day after the payment date. The Investor does not have the right to vote in the shareholders' meeting of the issuer for the excess of the Structured Securities.
- 18.5.5. During the period when the Structured Securities have not been successfully traded in excess of the limit and the closing date of the list to receive dividends or call rights of these Structured Securities arises, the Fund Management Company will do the following:
 - a) For cash dividends: Investors and Fund Founding Members will be paid in cash after the Fund receives this dividend;

- b) For dividends in stocks and bonus shares: The Fund Management Company pays in cash to the Investor and Fund Setting Member after receiving the number of shares and successfully selling the shares. Except for case C, the Fund Management Company considers that these securities can be advanced in the existing account for pre-sale without affecting the operation of the fund, it shall be sold and paid in advance;
- c) For call rights: The Fund Management Company shall use the proceeds from the sale of such securities (if the sale has been successfully sold before) to exercise the option provided that the exercise price is lower than the market price on the date of registration for the exercise of the option. After the shares exercised by the right to buy into the fund account, the fund will sell these shares and pay money to the Fund Founding Members and Investors. In case the Investor or Fund Setting Member sends a request for refusal to exercise the right, the Fund Management Company will immediately make the settlement according to the number of securities actually sold without waiting for the date of exercise rights.

18.5.6. Payment of Structured Securities in excess of the limit:

The payments arising under the provisions of Article 18.5.5 will be made by the Fund Management Company after 2 working days from the date the Fund receives the money or successfully sells the shares arising from these dividends and options according to the calculation and allocation results of the Fund Management Company based on the following principles:

- a) The payment is the transaction value after deducting taxes and transaction expenses in accordance with current laws;
- b) The calculation and allocation of the refund amount to the Fund Setting Members and Investors on the principle of time priority (FIFO) for securities sales transactions in different swap periods, followed by the rate for securities transactions in the same swap period;
- c) The calculation and allocation of the refund amount to the Fund Founding Member, the Investor shall be based on the existing solvency of the Fund as well as the proceeds from the sale of securities through order matching transactions.
- d) In case there are buy/Redemption Order with the same stock code of the portfolio during the day, the Subscription Order will be executed before the sell order to refund the money to the Fund Founding Members and Investors;
- e) The number of securities exceeding the limit will be separately accounted for monitoring as soon as they arise.

Điều 19. Partial redemption, suspension of trading of Fund Certificates

19.1. The Fund Management Company reserves the right to only partially respond to the Investor's Switching Order when one of the following cases occurs:

19.1.1. The total value of Redemption Order from conversion activities minus the total value of Subscription Orders from conversion activities on the trading day of the Fund's certificates is greater than 10% of the Fund's net asset value.

19.1.2. The execution of all trading orders by the Investor leads to:

- a) The Fund's Net Asset Value is lower than VND 50,000,000,000; or
- b) The remaining number of Fund Certificates of the Fund is lower than the minimum number of Fund Certificates in circulation specified in the Fund's Charter.

-
- 19.2. In case of partial execution of the Switching Order as prescribed in Article 19.1, the Fund Management Company is entitled to apply the principle of time priority: the transfer order to the Distributor is executed first.
 - 19.3. For the case specified in Article 19.1.1, the Fund Management Company may extend the payment period for a maximum of 30 days after being approved by the Fund's Representative Board, from the date of transaction of the Fund Certificates.
 - 19.4. The Fund Management Company has the right to suspend the receipt and execution of Swap Trading Orders from the Fund Establishment Members and Investors in the following cases:
 - 19.4.1. HOSE changes the structure of the reference index portfolio.
 - 19.4.2. Securities issuers accounting for 0.1% of the Fund's investment portfolio are bankrupt or dissolved; or securities accounting for 0.1% of the Fund's investment portfolio are suspended from trading or delisted.
 - 19.4.3. The Fund's structured securities portfolio, Net Asset Value cannot be determined on the trading day immediately preceding the Swap Trading Date due to HOSE's decision to suspend trading of securities in the Fund's portfolio.
 - 19.4.4. The fund restructured its investment portfolio to reduce the deviation from the reference index.
 - 19.4.5. The Fund Management Company, the Supervisory Bank or VSDC are unable to perform portfolio swaps due to Force Majeure Events.
 - 19.4.6. Other cases as prescribed by law.
 - 19.5. Within 24 hours from the occurrence of one of the events specified in this Article 19.4, the Fund Management Company must report to the SSC and at the same time publish information on the website of the Stock Exchange. The Fund Management Company, Fund Setting Member, Distributor must resume receiving and executing portfolio swap orders for Investors immediately after these events end.
 - 19.6. The time limit for suspension of swap trading shall comply with the provisions of the fund's charter but must not exceed 30 days from the date of suspension of trading. In case the suspension of swap trading is due to the reasons specified in Articles 19.4.1, 19.4.2, 19.4.3, the duration of suspension shall not exceed 03 working days before and after the end of such events.
 - 19.7. Within 30 days from the end of the time limit for suspension of swap trading as prescribed in this Article 19.6 and the causes leading to the suspension of operation have not been remedied, the Fund Management Company shall hold an extraordinary General Meeting of Investors on the dissolution of the fund or the extension of the period of suspension of securities trading funds. During the time limit for convening the General Meeting of Investors, if the reasons leading to the suspension of trading of fund certificates are terminated, the Fund Management Company may cancel the convening of the General Meeting of Investors.

Điều 20. Trading ETF Certificates on HOSE (secondary trading)

Fund Members and Investors trade listed Fund Certificates through HOSE's trading system according to the following principles:

- 20.1. Investors and Fund Members place trading orders on their securities trading accounts. Trading activities and transaction payments are carried out in accordance with the regulations on securities trading of HOSE and VSDC.
- 20.2. The trading unit complies with the regulations of HOSE.
- 20.3. Fund Certificates can be used in margin lending and other activities in accordance with current laws.
- 20.4. Fund Members are only allowed to sell Fund Certificates on HOSE's system when they ensure that there are enough Fund Certificates to be transferred before the time of payment according to VSDC's regulations. This number of Fund Certificates includes:

- 20.4.1. The number of Fund Certificates available on the Fund Member's account on the date of the transaction;
- 20.4.2. The number of Fund Certificates received before or on the settlement date from the swap transaction on the basis of the Structured Securities Portfolio obtained from previously successful market purchases or borrowing transactions on VSDC's system.

Điều 21. Issue price, redemption price, issuance service price, redemption service price

- 21.1. Issue Price: This is the price that Investors must pay to buy 01 lot of Fund Certificates. The Issue Price is equal to the Net Asset Value per 01 lot of Fund Certificates calculated at the end of the day immediately preceding the Swap Trading Date plus the Issuance Service Price.
- 21.2. Redemption Price: is the price that the Fund Management Company must pay to the Investor who places an order to swap the Lot of Fund Certificates for Structured Securities. The Redemption Price is equal to the Net Asset Value per 01 Lot of Fund Certificates calculated at the end of the day immediately preceding the Trading Date minus the Redemption Service Price.
- 21.3. Issuance service price, redemption service price
 - 21.3.1. Issuance Service Price: Applied when a Fund Member or Investor swaps a Portfolio of Structured Securities for Lots of Fund Certificates during the initial issuance or after the Fund is established. This Service Fee is collected when a swap is made, and is calculated as a percentage of the transaction value of the Fund Certificates.
 - 21.3.2. Redemption Service Price: Applied when the Fund Member or Investor swaps the Fund Certificate Lots for the Structured Securities Portfolio after the Fund is established. This Service Fee is collected at the time of the swap transaction and is calculated as a percentage of the transaction value of the Fund Certificates. The Redemption Service Price will be deducted from the difference between the value of the Fund Certificate Lot and the value of the Structured Securities Portfolio, in case the Redemption Service Price is greater than the difference, the Investor must transfer this missing amount to the ETF's account at the Supervisory Bank no later than 11:00 a.m. on T+1 (one day). Work from the Swap Transaction Date).
 - 21.3.3. Maximum Issuance Service Price, Maximum Redemption Service Price (if any) applicable to Fund Setting Members is **0.5% of the Transaction Value**. Specific service prices specified in the contract for participation in the establishment of the fund. The adjustment of service prices shall be made according to the agreement between the Fund Management Company and the Fund Setting Members but must not exceed the maximum service price specified in this Article.
 - 21.3.4. The maximum Issuance Service Price, the Maximum Redemption Service Price (if any) applicable to the Investor is **1% of the Transaction Value**. Specific service prices are specified in the Prospectus, Summary Prospectus or published on the website of the Fund Management Company or Distributor. The increase in service prices shall be effected only when the increased service prices do not exceed the maximum service prices specified in this Article. The earliest time to apply the new service price increase is after 30 days from the date the Fund Management Company announces the new service prices on the Company's website.

Điều 22. Non-Commercial Transfers

- 22.1. Non-commercial transfer transactions (donation, donation, inheritance,...) Fund Certificates are similar to the transfer of ownership of securities listed outside the trading system of HOSE as stipulated in VSDC's securities registration regulations.
- 22.2. The donation, donation and inheritance of Fund Certificates must comply with the provisions of current law. The Foundation only accepts legal heirs and is not

- responsible for any disputes related to the gift, giving, inheritance or giver, giver, inheritance.
- 22.3. The Fund Management Company or the Supervisory Bank will register the recipient of the donation or legal heir in the Register of Investors after the recipient or heir has provided sufficient legal evidence of the donation or inheritance.
- 22.4. The Assignment Agent Service Provider will register the legal heir in the Register of Investors after such heir has provided sufficient legal evidence of the donation, donation or inheritance.

Chapter IV: GENERAL MEETING OF INVESTORS

Điều 23. Investor General Meeting

- 23.1. The General Meeting of Investors is the highest authority of the Fund and all Investors named in the Register of Investors before convening the meeting are entitled to attend.
- 23.2. The General Meeting of Investors shall be convened by the Fund Management Company and decide on the following contents:
- 23.2.1. Amending and supplementing the Fund's Charter.
- 23.2.2. Fundamental changes in the Fund's investment policies and objectives; change the service price paid to the Fund Management Company or the Supervisory Bank; replacing the fund management company and the supervisory bank.
- 23.2.3. Merger and consolidation of the Fund; dissolution of the Fund.
- 23.2.4. Income distribution plan.
- 23.2.5. Election, dismissal and dismissal of the Chairman and members of the Fund's Board of Representatives; decide on the level of remuneration and operating expenses of the Fund's Representative Board; approving the selection of an approved auditing organization to audit the Fund's annual financial statements, the independent valuation enterprise (if any); through financial statements, reports on assets and annual operations of the Fund.
- 23.2.6. Review and handle violations of the Fund Management Company, the Supervisory Bank and the Fund's Representative Board that cause losses to the Fund.
- 23.2.7. Request the Fund Management Company and the Supervisory Bank to present books or transaction papers at the General Meeting of Investors.
- 23.2.8. Other matters under the jurisdiction of the law on securities and in the Charter of this Fund.
- 23.3. The agenda and contents of the General Meeting of Investors shall be formulated by the Fund Management Company according to the agenda and contents of the General Meeting of Shareholders in accordance with the law on enterprises. At least 07 working days before the General Meeting of Investors, the Fund Management Company must send to the SSC the entire agenda, contents of the meeting and relevant documents, and at the same time disclose information about the convening of the General Meeting of Investors, clearly stating the reasons and objectives of the meeting.
- 23.4. The Annual General Meeting of Investors shall be held within 04 months from the end of the fiscal year. At the request of the Fund's Board of Representatives, the Annual General Meeting of Investors may be extended but not more than 06 months from the end of the Fiscal Year and must be notified to the SSC. Depending on the time and in accordance with the law, the Fund Management Company is entitled to organize the Annual General Meeting of Investors in the form of collecting written opinions.

Điều 24. Extraordinary General Meeting of Investors

- 24.1. The Fund Management Company shall convene an extraordinary General Meeting of Investors in the following cases:

24.1.1. The Fund Management Company or the Supervisory Bank or the Fund's Representative Board as deemed necessary for the interests of the Fund; and

24.1.2. At the request of the Investor or a group of Investors as prescribed in Article 14.2.2 of the Charter of this Fund.

The organization of an extraordinary meeting of the General Meeting of Investors shall be carried out within 30 days from the date the Fund Management Company receives the request to convene an extraordinary meeting of the General Meeting of Investors.

24.2. In case the Fund Management Company fails to convene the General Meeting of Investors as prescribed in Article 24.1 of the Fund's Charter, the Fund Management Company shall be responsible before law and compensate for damage incurred to the Fund (if any). In case the Fund Management Company continues to fail to convene the General Meeting of Investors as prescribed in Article 24.1, within the next 30 days, the Representative Board of the Fund or the Supervisory Bank replacing the Fund Management Company shall convene the General Meeting of Investors in the following order, procedures specified in the Charter of this Fund.

Điều 25. Conditions for conducting the meeting and approving the decision of the General Meeting of Investors

25.1. The General Meeting of Investors shall be conducted when the number of Investors attending represents more than 50% of the total votes. The form of participation and voting is direct or authorized to participate and vote or conduct remote voting (sending letters, faxes, emails, attending online conferences, electronic voting or other electronic forms) under the guidance of the Fund Management Company in accordance with the law on securities.

25.2. In case the first meeting is not eligible to be conducted under the provisions of Article 25.1, the second meeting shall be convened within 30 days from the date the first meeting is intended to open. In this case, the General Meeting of Investors shall be conducted regardless of the number of Investors attending.

25.3. The General Meeting of Investors approves the Resolution under its jurisdiction by voting at the meeting or collecting written opinions.

25.4. The Resolution of the General Meeting of Investors on the contents specified in Articles 23.2.2 and 23.2.3 of the Fund's Charter must be adopted by voting at the General Meeting of Investors. In this case, the decision at the meeting shall be adopted when the number of Investors representing more than 65% of the total votes of all Investors attending the meeting approves.

25.5. A decision of the General Meeting of Investors shall be adopted at the meeting when it is approved by the number of Investors representing more than 50% of the total number of votes of all Investors attending the meeting, except for the case specified in Article 25.4.

25.6. The principles, contents, order and procedures for collecting investors' opinions in writing are specified in Article 26 of the Fund's Charter and in accordance with the law on enterprises. In this case, the Fund Management Company must comply with the deadline for sending the slip and meeting documents to the Investor as in the case of inviting the General Meeting of Investors.

25.7. In case of collecting opinions of the General Meeting of Investors in the form of writing, the decision of the General Meeting of Investors shall be adopted when the number of Investors representing more than 50% of the total number of votes of all Investors with the right to vote approves.

25.8. The Fund Management Company and the Fund's Representative Board are responsible for considering and ensuring that the Resolutions of the General Meeting of Investors are in accordance with the provisions of law and the Fund's Charter. In case the decision of the General Meeting of Investors is not in accordance with the provisions of law and the Charter of the Fund, a meeting of the General Meeting of Investors must be held to collect opinions or collect opinions of investors in writing.

Điều 26. Procedures for conducting the General Meeting of Investors and collecting opinions of the General Meeting of Investors in writing

- 26.1. Method of participation: Investors can attend in person or through an authorized representative or through online conferences, electronic voting or email depending on the announcement of the Fund Management Company on a case-by-case basis and in accordance with the law.
- 26.2. The time, program and content of the General Meeting of Investors must be publicly announced and the documents specified in Article 27.4.1 must be sent to the Investor and reported to the SSC at least 07 working days when conducting. The General Meeting of Investors does not discuss matters outside the content that has been announced.
- 26.3. In case of a meeting to collect the Investor's opinion in writing, the Fund Management Company shall send the documents specified at Points a, b, c and d, Article 27.3.1 to the Investor as soon as the decision to collect the Investor's opinion is issued.
- 26.4. The order of conducting the General Meeting of Investors and collecting written opinions of investors is as follows:
- 26.4.1. The Fund Management Company prepares documents and documents for collecting opinions of investors. The document includes:
- a) Invitation letters to meetings;
 - b) Draft meeting agenda;
 - c) Documents related to the content of the meeting agenda;
 - d) Investor opinion poll form (in case of investor opinion poll). The Fund Management Company must ensure that the opinion poll fully reflects the following contents:
 - (i) Name, number and date of issuance of the certificate of registration for establishment of the Fund; name, address of the head office, number and date of issuance of the license for establishment of the Fund Management Company;
 - (ii) Purpose of collecting opinions;
 - (iii) Full name, contact address, nationality, personal identification number, passport or other lawful personal identification of the Investor being an individual; name, address of the head office, nationality, number of the establishment decision or business registration number of the Investor and the authorized representative of the Investor being an organization;
 - (iv) The number of Fund Certificates and the number of votes of the Investor;
 - (v) Issues that need to be consulted for approval of decisions;
 - (vi) The voting plan includes approving, disapproving, and not having an opinion;
 - (vii) The deadline for sending the replied opinion poll to the Fund Management Company;
 - (viii) Full name and signature of the legal representative of the Fund Management Company
 - (ix) The signature of the Investor being an individual and the signature of the legal representative of the Investor being an organization with a seal (if any).
 - e) Minutes of the meeting (in case of organizing the General Meeting of Investors) or Minutes of vote counting (in case of collecting opinions of investors). The Fund Management Company must ensure that the opinion poll fully reflects the following contents:

- (i) Name, number and date of issuance of the certificate of establishment of the Fund;
- (ii) Name, address of the head office, number and date of issuance of the license to establish the Fund Management Company;
- (iii) Purpose and issues to be consulted by the Investor;
- (iv) The number of Investors with the total number of votes that participated in voting, classification of the number and ratio of valid/invalid votes;
- (v) The total number of votes in favor, disapproval and no opinion on each issue;
- (vi) Decisions have been adopted;
- (vii) List of Investors participating in voting.

26.4.2. The Fund Management Company shall organize a meeting of the General Meeting of Investors (in case of holding a General Meeting of Investors) or collect the Investor's answered opinion poll.

The answered opinion poll may be sent to the Fund Management Company by courier mail, fax, email or electronic voting within the time limit specified in the opinion poll. An invalid opinion poll is a form sent to the Fund Management Company after the specified time.

26.4.3. Within 24 hours from the end of the meeting or the end of the time limit stated in the poll form, the Fund Management Company will count the votes and record the information in the vote counting minutes/minutes of the meeting. Participants in vote counting must be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote counting record and damages arising from decisions adopted due to dishonest or inaccurate vote counting.

26.5. The opinion poll that has been answered, the vote counting minutes and the resolutions that have been passed and other documents prepared for the meeting must be kept at the head office of the Fund Management Company.

26.6. The Resolution is adopted in the form of a written opinion collection with the same legal validity as the resolution passed at the General Meeting of Investors.

Điều 27. Approval of the decision of the General Meeting of Investors

27.1. Each Fund Certificate corresponds to one voting right. The Supervisory Bank, the Fund Management Company, the auditing organization, the third party providing legal advice and the Fund's Service Providers are entitled to participate in the General Meeting of Investors but are not entitled to vote.

27.2. The resolution of the General Meeting of Investors is approved when the number of votes in favor reaches 51% of the total number of Fund Certificates of Investors participating in voting or collecting opinions.

27.3. For the issues specified in Articles 23.2.2 and 23.2.3 of the Charter, the resolution of the General Meeting of Investors shall be passed when the number of votes in favor reaches 65% of the total number of Fund Certificates of the voting Investors.

27.4. In case of consultation with the General Meeting of Investors in writing, the decision shall be adopted if it is approved by the number of investors representing more than 50% of the total votes of all investors with the right to vote.

27.5. Within 24 hours after the end of the General Meeting of Investors or after the end of the counting of votes for collecting opinions of investors in writing, the Fund Management Company and the Board of Representatives of the Fund shall make minutes and resolutions of the General Meeting and send them to the Supervisory Bank, provide to investors and disclose information in accordance with the provisions of law on the website of the Fund Management Company.

- 27.6. The resolutions of the General Meeting of Investors are not in accordance with the provisions of law and the Charter will not have legal effect and enforceability. These resolutions are automatically canceled. At the same time, the Fund Management Company is responsible for notifying the SSC and the Investor that the resolution is ineffective and canceled.

Điều 28. Opposition to the resolution of the General Meeting of Investors

- 28.1. Investors who object to the decision passed by the General Meeting of Investors on the contents specified in Articles 23.2.2 and 23.2.3 of the Fund's Charter have the right to request the Fund Management Company to repurchase its Fund Certificates or convert them to another fund of the same type of the Fund Management Company (if any). The request must be in writing, clearly stating the name and address of the Investor, the number of Fund Units, the reason for requesting the redemption or request for conversion to another fund managed by the Fund Management Company. The request must be sent by the Investor to the head office of the Fund Management Company, Distributor within 15 days from the date the General Meeting of Investors approves the decision on the above issues.
- 28.2. Within 45 days from the date of announcement of the results of the General Meeting of Investors, the Fund Management Company must complete the redemption or conversion of the Fund Certificates to the Investor in protest against the decision of the General Meeting of Investors in accordance with the provisions of Article 28.1. In this case, the redemption price is determined on the basis of the Net Asset Value on a Fund Certificate as of the latest Trading Date of the Fund Certificate since the Fund Management Company receives the Investor's request and the Investor is not required to pay the Redemption Service Price, Transfer service price.

Chapter V: FUND REPRESENTATIVE BOARD

Điều 29. Board of Representatives of the Fund

- 29.1. The Fund's Board of Representatives has 03 members, with a term of 05 years and is continuously reappointed for an unlimited number of terms.

The Fund's Board of Representatives is elected at the General Meeting of Investors or given written opinions by the Investor. The nomination and candidacy of members of the Fund's Board of Representatives must comply with the following regulations:

- 29.2.1. Information related to the candidates of the Board of Representatives of the Fund must be published on the website of the Fund Management Company at least 10 days before the date of convening the General Meeting of Investors to elect members of the Board of Representatives of the Fund. The minimum information must include: full name, date of birth; professional qualifications; management qualifications; experience in asset management activities, or investment analysis or experience in securities, banking, insurance activities; work history and results achieved; companies, the fund in which the candidate is holding the position of a member of the Board of Directors or a member of the fund's representative board; interests related to the Fund Management Company, the supervisory bank (if any); other information if relevant.
- 29.2.2. In case the number of candidates approved by the Fund's Representative Board and candidacy is still insufficient, the incumbent Fund's Representative Board may nominate additional candidates or organize nominations. The nomination mechanism or the method in which the incumbent Board of Representatives nominates candidates of the Board of Representatives of the Fund shall be clearly announced and approved by the General Meeting of Investors before proceeding with the nomination.
- 29.2.3. The order and procedures for nomination and candidacy of members of the Fund's Board of Representatives shall comply with the provisions of the law on enterprises and securities applicable to members of the Board of Directors and the Board of Directors.

The Board of Representatives of the Fund must have:

- 29.3.1. At least one (01) independent member with professional qualifications and experience in the field of accounting and auditing.
- 29.3.2. At least one (01) independent member with professional qualifications and working experience in securities investment analysis or asset management activities.
- 29.3.3. At least one (01) member has professional qualifications in law.

The decision of the Board of Representatives of the Fund shall be approved by vote at the meeting or collected written opinions. Each member of the Fund's Board of Representatives has one vote. For meetings of the Fund's Representative Board, members of the Representative Board who are unable to attend in person may send written opinions and/or appoint their representatives to attend and vote at the meeting.

In the course of operation, in case a member of the Fund's Representative Board is suspended or dismissed, or in case the structure of the Fund's Representative Board or its members no longer meets the conditions, within fifteen (15) days after the change, the Fund's Representative Board and the Fund Management Company shall be responsible for selecting a member who meets the regulations to be temporarily replaced. The replacement temporary member shall perform the rights and obligations of a member of the Board of Representatives of the Fund until the General Meeting of Investors officially appoints the replacement member.

The Fund Management Company must report to the SSC and disclose information on the change in the structure of the Fund's Board of Representatives in accordance with current regulations on information disclosure on the securities market.

Điều 30. Criteria for selecting members of the Fund's Board of Representatives

- 30.1. The criteria for selecting members of the Fund's Board of Representatives shall comply with the provisions of the law on enterprises and securities applicable to members of the Board of Directors and the Board of Directors.
- 30.2. Members of the Fund's Board of Representatives do not necessarily possess Fund Certificates.
- 30.3. A member of the Foundation's Board of Representatives who is unable to complete their term of office may resign by submitting their resignation to the Chairman of the Foundation's Board of Representatives at least 60 days in advance.
- 30.4. The following persons may not be members of the Fund's Board of Representatives:
 - 30.4.1. Cases shall comply with the provisions of the law on enterprises and securities applicable to members of the Board of Directors and the Board of Directors.
 - 30.4.2. Being a member of more than 05 Representative Boards of public funds, the Board of Directors of public securities investment companies.

Điều 31. Rights and obligations of the Fund's Representative Board

- 31.1. Representing the interests of the Investor; carry out activities in accordance with the law to protect the interests of investors.
- 31.2. Approve the Fund's Net Asset Value valuation manual, the list of organizations providing quotations; list of credit institutions as prescribed in the Charter.
- 31.3. Approve the transactions specified in Clause 2, Article 21 of Circular No. 98/2020/TT-BTC, amended and supplemented in Article 8 of Circular No. 136/2025/TT-BTC.
- 31.4. Decide on the level of distribution of profits according to the profit distribution plan approved by the General Meeting of Investors; time of implementation, method and form of profit distribution.
- 31.5. Decide on issues that have not been agreed upon between the Fund Management Company and the Supervisory Bank on the basis of the provisions of law.

-
- 31.6. Request the Fund Management Company and the Supervisory Bank to promptly provide sufficient documents and information on fund management and supervision activities.
 - 31.7. The rights and obligations of members of the Fund's Board of Representatives shall comply with the provisions of the law on enterprises and securities applicable to members of the Board of Directors of listed companies and the Fund's Charter.
 - 31.8. Members of the Fund's Representative Board must perform their duties honestly and carefully for the best interests of the Fund; must not authorize others to exercise their rights, obligations and responsibilities towards the Fund.
 - 31.9. Attend all meetings of the Fund's Board of Representatives and have a clear opinion on the issues discussed.
 - 31.10. Perform other tasks as prescribed by law and the Fund's Charter.

Điều 32. Rights and obligations of the Chairman of the Board of Representatives of the Fund

- 32.1. The General Meeting of Investors elects the Chairman of the Board of Representatives of the Fund from among the members of the Board of Representatives of the Fund. The Chairman of the Fund's Board of Representatives must be an independent member.
- 32.2. The Chairman of the Fund's Board of Representatives has the following rights and tasks:
 - 32.2.1. Formulate programs and plans for activities of the Fund's Board of Representatives.
 - 32.2.2. Prepare the program, contents and documents for the meeting to convene and chair the meeting of the Board of Representatives of the Fund.
 - 32.2.3. Monitoring the process of organizing the implementation of decisions of the Fund's Board of Representatives
 - 32.2.4. Other rights and duties specified in the Fund's Charter.

Điều 33. Dismissal, dismissal and addition of members of the Fund's Board of Representatives

- 33.1. Members of the Fund's Representative Board shall be dismissed from their positions in the following cases:
 - 33.1.1. Prosecuted or prosecuted.
 - 33.1.2. Being declared missing, dead or having limited civil act capacity by the court.
 - 33.1.3. Prohibited from holding the position of member of the Fund's Representative Board due to the provisions of law or by decision of the SSC or other competent agencies.
 - 33.1.4. Apply for resignation, death or expiration of term.
- 33.2. A member of the Fund's Board of Representatives shall be dismissed from office in the following cases:
 - 33.2.1. Do not participate in the activities of the Fund's Representative Board for 06 consecutive months, except for force majeure cases.
 - 33.2.2. Disclosure of business secrets and confidential information of the Fund.
 - 33.2.3. Seriously violating the obligations of members of the Fund's Board of Representatives, which leads to the risk of causing damage to the Fund.
 - 33.2.4. No longer meet the criteria and conditions to be a member of the Fund's Board of Representatives according to the Charter.
- 33.3. Members of the Fund's Board of Representatives may be added in the following cases:

33.3.1. As soon as the decision on dismissal or dismissal of members of the Fund's Representative Board takes effect.

33.3.2. When the Fund needs to add members of the Fund's Representative Board.

33.4. The dismissal and dismissal of members of the Board of Representatives of the Fund will be decided at the meeting of the Board of Representatives of the Fund. Additional members will be elected by the General Meeting of Investors on the nomination of the Chairman of the Board of Representatives of the Fund or the Fund Management Company at the General Meeting of Investors or in the form of written opinions.

Điều 34. Operating procedures of the Fund's Board of Representatives

34.1. In case the Chairman of the Fund's Representative Board is absent or incapable of performing assigned tasks, the member of the Fund's Representative Board authorized by the Chairman of the Fund's Representative Board shall perform the rights and duties of the Chairman of the Fund's Representative Board.

34.2. In case there is no authorized person, the remaining members of the Fund's Board of Representatives shall select one of the independent members to temporarily hold the position of Chairman of the Board of Representatives of the Fund on the principle of unanimity. The re-election of the Chairman of the Board of Representatives of the Fund will be carried out at the nearest General Meeting of Investors.

Điều 35. Fund Representative Board Meeting

35.1. The Fund's Board of Representatives shall hold meetings at least once a quarter or at the request of the Fund Management Company to discuss and decide on issues under its jurisdiction.

35.2. The order of organizing the meeting, meeting agenda and related documents shall be notified to members in advance 01 working day in advance.

35.3. Meetings of the Board of Representatives may be conducted in person, via telephone, internet and other audiovisual means, or written comments. Each member has 01 vote. Members who do not directly attend the meeting have the right to vote through written voting.

35.4. A meeting of the Fund's Representative Board shall be held when at least 2/3 of the members attend the meeting, of which the number of independent members must account for the majority (over 50% or more of the members attending the meeting).

35.5. The decision of the Board of Representatives of the Fund shall be approved if it is approved by a majority of members and approved by a majority of independent members.

35.6. Decisions of the Fund's Board of Representatives shall be adopted by voting at meetings, collecting written opinions or in other forms specified in the Fund's Charter. Each member of the Fund's Board of Representatives has one vote.

Điều 36. Minutes of the meeting of the Fund's Representative Board

The minutes of the meeting of the Fund's Representative Board must be detailed and clear. The secretary and chairman of the meeting must sign the minutes of the meeting. In case the chairperson or secretary refuses to sign the minutes of the meeting but if it is signed by all other members of the Board of Representatives of the Fund attending the meeting and has full contents, this record shall take effect. The minutes of the meeting of the Fund's Representative Board must be kept at the Fund Management Company in accordance with the law on enterprises and the Fund's Charter.

Chapter VI: FUND MANAGEMENT COMPANY

Điều 37. Criteria for selecting a fund management company

The selected Fund Management Company must satisfy the following conditions:

37.1. Having been licensed by the SSC to manage the fund; have sufficient capital in accordance with the law on establishment, organization and operation of fund management companies.

- 37.2. Completely independent of Supervisory Banking.
- 37.3. Having full financial capacity and capacity to perform the management of the Fund.
- 37.4. Agree to fulfill commitments to the Fund as stated in Appendix 1 and Appendix 3 of this Charter.

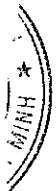
Điều 38. Rights and obligations of the Fund Management Company

38.1. Obligations of the Fund Management Company

- 38.1.1. Comply with the provisions of the law and the Charter of the Fund Management Company. To manage the Fund's assets in accordance with the provisions of this Charter. The Fund Management Company complies with the rules of professional ethics, voluntarily and always operates fairly and honestly for the Fund and for the benefit of Investors and Fund Members, avoids conflicts of interest and acts in good faith in cases where conflicts of interest cannot be avoided.
- 38.1.2. The Fund Management Company shall ensure that the organization and personnel are competent and structured to fulfill its obligations to the Investor, in compliance with this Charter, international laws and best practices.
- 38.1.3. The Fund Management Company will ensure that the authorization of a third party complies with the law and does not adversely affect the interests of the Fund and the Investor.
- 38.1.4. The Fund Management Company shall separate the assets of each Fund, the assets of the Fund Management Company from the assets of the Fund, and other assets managed by the Fund Management Company.
- 38.1.5. The Fund Management Company shall be responsible for losses to the Fund under its management in the event that the Fund Management Company fails to comply with the law and this Charter.
- 38.1.6. The Fund Management Company shall ensure compliance with the regulations on restrictions on the operation of the Fund Management Company and its employees as prescribed in Article 11 of Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 guiding the operation of the Fund Management Company and its amendments, supplement and replace from time to time (if any).
- 38.1.7. Fulfill the commitments of the Fund Management Company stated in Appendix 1 of this Charter.

38.2. Rights of the Fund Management Company

- 38.2.1. Select the Supervisory Bank according to the standards in the Charter and negotiate and sign a custody and custody service contract.
- 38.2.2. Authorize the Supervisory Bank and other Service Providers related to the management of the Fund to carry out the administration of the Fund. The Fund Management Company must ensure that this authorization does not affect the interests of the Investor.
- 38.2.3. Refuse to issue Fund Certificates to entities that are not allowed to invest in the Fund in accordance with the Charter and current laws.
- 38.2.4. To represent and represent the Fund in exercising all rights, obligations and responsibilities for assets owned by the Fund in accordance with the provisions of law/
- 38.2.5. Sign a contract for distribution of Fund Certificates with the Distributor of Fund Certificates.
- 38.2.6. To enjoy the service prices specified in the Fund's Charter in accordance with the provisions of law.
- 38.2.7. Participate in all Investor General Meetings and Fund Representative meetings.



- 38.2.8. To request Fund Members, Investors, and Distributors to provide information.
- 38.2.9. Drafting, approving, modifying, supplementing and replacing the contents specified in the Prospectus.
- 38.2.10. Decide on the price of the issuance, redemption and transfer of Fund Certificates based on the service price bracket specified in the Charter and the Prospectus.
- 38.2.11. Request liquidation of the Fund if the Net Asset Value of the Fund is lower than the minimum level specified in the Charter.
- 38.2.12. Reuse the Fund's assets to invest in securities issued by foreign organizations, issuers governed by foreign laws, securities issued abroad and other assets abroad. The investment must ensure compliance with the provisions of law.
- 38.2.13. Other rights of the Fund Management Company in accordance with the current law and the Charter.

Điều 39. Termination of rights and obligations to the Fund of the Fund Management Company

- 39.1. The Fund Management Company shall terminate its rights and obligations to the Fund in the following cases:
 - 39.1.1. The General Meeting of Investors has a request to change the Fund Management Company.
 - 39.1.2. The Fund's Representative Board proposed and was approved by the General Meeting of Investors.
 - 39.1.3. The Fund Management Company had its establishment and operation license revoked.
 - 39.1.4. The Fund Management Company consolidates or merges with another Fund Management Company.
 - 39.1.5. The fund is out of operation.
 - 39.1.6. According to the provisions of law or decisions of competent state agencies.
- 39.2. Except for the case specified in Article 39.1.1, at least 06 months before the expected termination of the rights and obligations of the Fund Management Company over the Fund, the Fund Management Company must organize a meeting of the General Meeting of Investors to collect opinions on the termination of the rights and obligations of the Fund Management Company to the Fund.
- 39.3. When the Fund Management Company terminates its rights and obligations to the Fund, the Fund Management Company must transfer its rights and obligations as well as information, records and documents related to the Fund's operation to another Fund Management Company approved by the General Meeting of Investors and in accordance with current laws.
- 39.4. The obligation to pay expenses to the Fund's Fund Management Company when the Fund Management Company terminates its rights and obligations to the Fund as prescribed as follows:
 - 39.4.1. In case the termination of the rights and obligations of the Fund Management Company takes place in the first 03 years from the date the Fund is granted the Fund Registration Certificate, the Fund will pay an amount equivalent to 3% of the Fund's Average Net Asset Value within 52 consecutive weeks before the General Meeting of Investors approves the decision on termination of rights. obligations of the Fund Management Company.
 - 39.4.2. In case the termination of the rights and obligations of the Fund Management Company takes place after 03 years from the date the Fund is granted the Fund Registration Certificate, the Fund will pay an amount equivalent to 1.5% of the Fund's Average Net Asset Value within 52 consecutive weeks before

the General Meeting of Investors approves the decision on termination of rights. obligations of the Fund Management Company.

Điều 40. Restriction of the operation of the Fund Management Company

- 40.1. The Fund Management Company must not be a related person or have an ownership, borrowing or lending relationship with the Fund's Supervisory Bank. Members of the Board of Directors or members of the Board of Members, employees of the internal audit department, the Supervisory Board, the Executive Board, and employees of the Fund Management Company are not allowed to work in the departments providing depository, supervision and administration services at the Fund's Supervisory Bank and vice versa.
- 40.2. Unless otherwise provided for by the General Meeting of Investors, the Fund Management Company and related persons of the Fund Management Company may contribute capital to the establishment and investment in the Fund.
- 40.3. The Fund Management Company, parent company, subsidiaries, joint venture companies, associate companies, members of the Board of Directors or members of the Board of Members, the Control Board, the Executive Board, and employees of the company may only be partners in the purchase and sale of assets in the list of trust assets that the company is managing according to the following principles:
 - 40.3.1. Trading by the centralized order matching method is carried out through the trading system at the Stock Exchange.
 - 40.3.2. In case the transaction does not follow the centralized order matching method, the transaction shall be carried out with the written approval of the entrusting customer or the entrusting customer's representative. The written approval of the trust client must show: the type of trading asset, the trading partner or the criteria for determining the trading partner, the transaction price or the principle of determining the transaction price, the time of execution of the transaction.
- 40.4. All securities transactions of members of the Board of Directors and employees of the Fund Management Company must report to the internal control department before and immediately after the transaction. The transaction reports of the above individuals must include: the name of the securities traded, the quantity, the trading price, the total transaction value, the execution time, the method of implementation, the number of the trading account, the securities company where the trading account is opened. Transaction reports of individuals must be stored and managed at the internal control department and provided to the SSC upon request.
- 40.5. The Fund Management Company is not allowed to use the Fund's capital and assets to carry out the following activities:
 - 40.5.1. Investing in fund certificates of the Fund itself or other securities investment companies under its management.
 - 40.5.2. Not to use the Fund's assets to invest in the Fund Management Company itself; not to invest in organizations that are related persons of the Fund Management Company; not to invest in organizations that are members of the Board of Members, the Executive Board, employees of the Internal Audit Department, etc the Supervisory Board (if any), employees of the Company who are shareholders or members who own more than 10% of the charter capital.
 - 40.5.3. The Fund's assets must not be used to provide loans in any form, guarantee loans in any form or pay debt obligations of the Fund Management Company, related persons of the Fund Management Company, other organizations and individuals. This provision does not apply in the case of lending in the form of investment in deposits at credit institutions in accordance with the banking law, or the purchase of bonds issued or trading bonds in accordance with the provisions of law.

40.5.4. The Fund Management Company is not authorized or outsourced to organizations in the territory of Vietnam to provide securities investment consultancy services, trust asset management.

40.5.5. Restrictions on investment in other securities investment funds and for each specific type of fund shall comply with regulations of the Minister of Finance.

CHAPTER VII: SUPERVISORY BANK

Điều 41. Criteria for selecting a Supervisory Bank

- 41.1. The Supervisory Bank selected by the Fund Management Company must meet the conditions specified in Clause 1, Article 116 of the Law on Securities and relevant provisions of law.
- 41.2. The Supervisory Bank shall be completely independent and separate from the Fund Management Company on which the bank provides custodial services. The Supervisory Bank, members of the Board of Directors, members of the Executive Board, and direct employees of the Supervisory Bank performing the supervision and preservation of the Fund's assets must not be related persons, have ownership, borrowing or lending relationships with the Fund Management Company and vice versa.
- 41.3. The Supervisory Bank, members of the Board of Directors, members of the Executive Board, and direct employees of the Supervisory Bank performing the services of supervision and preservation of the Fund's assets must not be partners in the purchase and sale of the Fund's assets.
- 41.4. Having full capacity to provide supervision and custody services.
- 41.5. Agree to fulfill the commitments to the Fund as stated in Appendix 02, Appendix 03 of this Fund's Charter.

Điều 42. Rights and obligations of the Supervisory Bank

- 42.1. Obligations of the Supervisory Bank
 - 42.1.1. Perform the obligations specified in Clause 3, Article 56 of the Law on Securities.
 - 42.1.2. Deposit the Fund's assets; accurately and promptly record assets, property rights and interests related to the assets deposited by the Fund; separately manage the Fund's assets, the Fund's assets with the assets of the Supervisory Bank, the Fund's assets with the assets of the Fund Management Company (in case the Supervisory Bank is also the depository bank of the Fund and the Fund Management Company), the assets of other funds of the same Fund Management Company (in case these funds common use of the Supervisory Bank and the depository bank), assets of other customers of the Supervisory Bank.
 - 42.1.3. Ensure the supervision of the Fund Management Company's activities in the management of fund assets in accordance with the provisions of the Law on Securities, relevant regulations and the Charter.
 - 42.1.4. Processing securities transactions in accordance with the Fund Management Company's lawful instructions, the Supervisory Bank may reject such instructions if the Supervisory Bank has grounds to believe that such instructions are unlawful or inconsistent with the Fund's Charter. The refusal must be sent in writing to the Fund Management Company and clearly stating the reason and a copy to the SSC.
 - 42.1.5. Always act in the best interests of our Investors.
 - 42.1.6. Be responsible for losses caused to the Fund due to the errors of the Supervisory Bank.
 - 42.1.7. Providing services of supervision and custody of the Fund's assets in accordance with the provisions of relevant laws, the Supervisory Contract and the Charter.

-
- 42.1.8. Ensure and take full responsibility for the Fund's assets when entrusting to a sub-depository organization.
 - 42.1.9. Monitor or calculate the Fund's Net Asset Value in accordance with the law and the Charter, ensuring that the calculation of the Fund's Net Asset Value is accurate.
 - 42.1.10. Regularly compare the Fund's assets with the Fund Management Company.
 - 42.1.11. To pay reasonable and valid expenses of the Fund in accordance with the lawful instructions of the Fund Management Company, ensuring that such expenses are in accordance with the provisions of law and the provisions of the Fund's Charter.
 - 42.1.12. Payment to the Fund's Investors when the Fund Management Company redeems the Investor's Fund Certificates, or when the Fund distributes income or when the Fund liquidates, dissolves payments to Investors and other cases as prescribed by law, The Fund Charter is in accordance with the lawful instructions of the Fund Management Company, ensuring that payments are made in accordance with the terms of the Charter.
 - 42.1.13. Keep a separate track of changes in the total number of certificates issued, the number of fund certificates owned by each investor, name, contact address, nationality, address, and keep up to date with all changes if any.
 - 42.1.14. Other obligations as prescribed by law, the Fund's Charter and the Supervisory Contract.
- 42.2. Supervisory Bank Rights
- 42.2.1. The Supervisory Bank is entitled to the service prices for providing services of supervision and preservation of the Fund's assets in accordance with the Fund's Charter and in accordance with the provisions of law.
 - 42.2.2. The Supervisory Bank may reject such instructions if the Supervisory Bank has grounds to believe that such instructions are unlawful or inconsistent with these Regulations. The refusal must be sent in writing to the Fund Management Company and clearly stating the reason, a copy to be sent to the SSC. To review the capacity and processes of the Fund Management Company in the process of managing the Fund and request the Fund Management Company to make corrections if necessary.
 - 42.2.3. Entitled to attend the General Meeting of Investors but not the right to vote.
 - 42.2.4. Other rights as prescribed by law, Supervisory Contract.

Điều 43. Supervisory activities of the Supervisory Bank

The scope of supervision is limited to the activities of the Fund Management Company related to the Fund that the Supervisory Bank performs the supervisory function. In the course of supervisory activities, the Supervisory Bank must:

- 43.1. Coordinate with the Fund Management Company to periodically review the internal process on the principles and methods of determining the Fund's Net Asset Value; supervising the determination of net asset prices; inspect and ensure that the net asset value on a fund certificate and the net asset value on a lot of fund certificates is calculated correctly, accurately and in accordance with the provisions of law and the fund's charter.
- 43.2. Supervise investment activities and transactions of the fund's assets, re-examine to ensure that the type of investment assets and the structure of the investment portfolio are in accordance with the regulations on investment and borrowing restrictions in accordance with the provisions of law and the fund's charter; supervise asset transactions between the fund and the Fund Management Company and related persons, ensuring compliance with the provisions of law and the fund's Charter.

-
- 43.3. In case of detecting signs of violation of the provisions of law, the Supervisory Bank must report to the State Securities Commission and notify the Fund Management Company within 24 hours from the date of detection of the incident and request the Fund Management Company to take handling measures. promptly remedy the consequences arising within the prescribed time limit.
 - 43.4. Supervise the organization of implementation, inspection of results of consolidation, merger, dissolution and liquidation of fund assets;
 - 43.4. Supervise and ensure the legality and only pay from the fund's assets and expenditures in accordance with the provisions of law and the provisions of the fund's charter.
 - 43.5. Supervise other activities of the Fund Management Company in the management of the fund's assets in accordance with the provisions of Article 116 of the Law on Securities, relevant provisions in guiding documents of the Law on Securities and in the Charter of the fund.
 - 43.6. Confirm reports on the Net Asset Value, investment activities, and portfolio of the fund prepared by the Fund Management Company.
 - 43.7. The Supervisory Bank is responsible for making and archiving for a period of 10 years records and documents in the form of documents and electronic data files in order to confirm the compliance of the Supervisory Bank with the Fund Management Company in accordance with the provisions of law. These documents must be provided at the written request of the State Securities Commission.
 - 43.8. Upon the written request of the Fund Management Company, the Supervisory Bank shall be responsible for promptly, fully and accurately providing necessary information to the Fund Management Company and the approved auditing organization so that these organizations can fully exercise their rights, obligations to the fund in accordance with the provisions of law and the fund's charter.
 - 43.9. The Supervisory Bank has the right to request the Fund Management Company to promptly provide necessary and relevant documents and information; information about the issuer in which the fund or securities investment company invests so that the Supervisory Bank can fully perform its rights and obligations towards the fund or securities investment company in accordance with law. The Supervisory Bank is responsible for maintaining confidentiality in accordance with the provisions of law all documents and information received from the Fund Management Company.
 - 43.10. In case the Fund Management Company has to compensate for damage to the Fund, the Investor and the Supervisory Bank must coordinate with the Fund Management Company in carrying out payment procedures in a timely and complete manner to the Fund and the Investor in accordance with the lawful instructions of the Fund Management Company. The Supervisory Bank shall jointly and with the Fund Management Company shall be responsible for compensating for damages to the fund or securities investment company in case of losses arising from the Supervisory Bank's failure to fully and promptly perform its responsibility to supervise the fund's investment activities. determine the Net Asset Value of the Fund and other supervisory activities for the fund in accordance with the provisions of law. The level of compensation for damages shall comply with the terms of the signed contract or agreement between the Fund Management Company and the Supervisory Bank.

Điều 44. Termination of rights and obligations to the Funds of the Supervisory Bank

- 44.1. The Supervisory Bank terminates its rights and obligations to the Fund in the following cases:
 - 44.1.1. The Supervisory Bank is divided, separated, dissolved, bankrupt, consolidated, merged, transformed as a legal entity or has its securities depository registration certificate revoked as prescribed in Clause 2, Article 60 of the Law on Securities;
 - 44.1.2. Unilaterally terminate the Supervisory Contract;
 - 44.1.3. The Fund is dissolved, consolidated, or merged;

- 44.1.4. According to the decision of the General Meeting of Investors; or
- 44.1.5. Other cases as prescribed by law and under the Supervisory Contract.
- 44.2. In case the Supervisory Bank unilaterally terminates the Supervisory Contract, the Bank must send a written notice to the Fund Management Company and the Fund Representative Board at least 06 months in advance and
- 44.3. The Supervisory Bank may only transfer all its rights and obligations to the Supervisory Bank selected by the Fund. The transfer of the rights and obligations of the Supervisory Bank to the Fund must comply with the provisions of law.

Chapter VIII: ORGANIZATIONS PROVIDING RELATED SERVICES

Điều 45. Authorized Activities

- 45.1. The Fund Management Company may hire an organization to provide services to the Fund in accordance with the terms and provisions of the Fund's Charter and current laws. The authorized activities of the Fund Management Company include:
 - 45.1.1. Transfer Agency Service Provider services.
 - 45.1.2. Fund management services.
 - 45.1.3. Other activities (if any) as prescribed by law, the Fund's Charter, the Prospectus and the contract signed with the Fund Management Company.
- 45.2. The scope and details of the authorized activities as stipulated in Article 45.1 shall be reflected in the service contract between the Fund Management Company and the Service Providers.
- 45.3. Assignment Agent activities are authorized by only one organization and must be carried out within the territory of Vietnam.

Điều 46. Criteria for selection of relevant service providers

The Service Provider needs to meet the following conditions:

- 46.1. General criteria:
 - 46.1.1. Established in accordance with the provisions of Vietnamese law.
 - 46.1.2. To be allowed to provide related services in accordance with the provisions of law.
 - 46.1.3. Having the capacity, system, personnel, experience and professional way of working in accordance with the requirements of the Fund Management Company in providing related services.
- 46.2. Technical criteria: The relevant Service Provider must have a dedicated department to provide services. This specialized department must be separate from the rest of the authorized parties in terms of personnel organization, business process system, reporting and report approval system, in accordance with the provisions of law and the requirements of the Fund Management Company for such services.

Điều 47. Responsibilities of the relevant Service Provider

- 47.1. Principles of authorization activities
 - 47.1.1. Comply with the law and the Charter.
 - 47.1.2. Implemented based on the authorization contracts between the Fund Management Company and the authorized organization. The contract must clearly state the scope of work, rights and obligations of the parties.
- 47.2. Scope of operation, functions and tasks of the authorized parties:
 - 47.2.1. For fund management services:
 - a) Accounting recording of the Fund's transactions: recording fluctuations reflecting cash flows in and out of the Fund.
 - b) Preparation of financial statements of the Fund; coordinate and support the Fund's audit organization in performing audits for the

Fund in accordance with the provisions of law and the Fund's management contract.

- c) Determination of the Net Asset Value of the Fund, Net Asset Value per Lot of Fund Certificates, Net Asset Value per unit of Fund Certificates in accordance with the provisions of law and the Fund's Charter.
- d) Perform other activities in accordance with the provisions of law and the contract signed with the Fund Management Company.

47.2.2. For Transfer Agency Service Provider services:

- a) Establish and manage the Register of Investors, the system of accounts of Investors and Fund Establishment Members; confirming the ownership of the Fund Certificate.
- b) Record the Investor's swap, buy, and Redemption Order; transfer of ownership of Fund Certificates; update the Register of Investors.
- c) Assisting Investors in exercising their rights related to the ownership of Fund Certificates of Investors and Fund Establishment Members.
- d) Perform other activities in accordance with the provisions of law and the contract signed with the Fund Management Company.

47.3. Requirements for vouchers, book numbers, related reports, databases: Independently manage all documents, books and databases of the Fund and must store these documents, books and databases in Vietnam. At the same time, the authorized organization must be responsible for creating a database in accordance with the needs of the work undertaken so that it is convenient, complete and in accordance with the requirements prescribed by law.

47.4. The authorized party must carry out the authorized activities effectively, carefully, and be responsible for keeping all information related to the Investor and partners of the Fund Management Company confidential.

47.5. The authorized party shall be responsible for providing the Fund Management Company with independent audit reports on the contents related to the authorization activities, serving the inspection and supervision activities of the Fund Management Company.

Điều 48. Responsibilities of the Fund Management Company for authorized activities

48.1. The authorization does not reduce or change the Fund Management Company's responsibility for the Fund.

48.2. Before signing the contract for use of services of the authorized party, the Fund Management Company must appraise and make a record of assessment of capacity and facilities, ensuring that the authorized party has sufficient equipment and facilities, technical solutions, professional processes, etc personnel with appropriate experience and qualifications to carry out the authorized activities.

48.3. Regularly inspect and supervise to ensure that the authorized activities are carried out prudently, safely, in accordance with the provisions of law and the Charter, ensuring the quality of services provided in accordance with the criteria and requirements of the Fund. The Fund Management Company may use independent consultancy and services provided by other professional and lawful organizations to perform this regulatory responsibility.

48.4. Maintain personnel with the necessary experience, expertise and professional skills to be able to effectively monitor, identify and manage risks arising from authorized activities.

48.5. Develop a process and system to ensure that at all times, the Fund Management Company, independent audit organizations, and competent state management agencies can access the necessary information to inspect and supervise authorization activities, assess and manage risks arising from authorization activities.

-
- 48.6. The Fund Management Company shall bear the full responsibility arising from the authorization. The Fund Management Company must ensure the continuity of the authorized activities, without interruption and affect the investment activities of the Investor.
 - 48.7. Provide complete, timely and accurate relevant information to the authorized party to be able to fully and promptly exercise all rights, obligations and responsibilities in the authorization activities.
 - 48.8. Adequately, promptly and accurately archive instructions, requirements and documents sent to the authorized party to carry out authorization activities, authorization contracts, record of capacity assessment and facilities. These documents must be provided to the SSC upon request.

Điều 49. Termination of authorization activities

- 49.1. The Service Provider shall terminate its authorized operation in the following cases:
 - 49.1.1. There is one of the cases of termination of the authorization activity specified in the authorization contract.
 - 49.1.2. The authorization contract expires.
 - 49.1.3. The service provider suspends, terminates its operation, dissolves, or declares bankruptcy.
 - 49.1.4. The Service Provider does not meet the conditions specified in the Charter.
 - 49.1.5. According to the decision of the Fund Management Company.
 - 49.1.6. Other cases as prescribed by law.
- 49.2. In case of termination of the authorization activity, the Service Provider must transfer all rights, obligations as well as books, documents and electronic data related to the Fund under its management to a new Service Provider appointed by the Fund Management Company.

Chapter IX: DISTRIBUTORS

Điều 50. Fund Certificate Distributor

- 50.1. It is a securities company with securities brokerage profession that has obtained a certificate of registration for the distribution of public fund certificates, has signed a contract for distribution of fund certificates with the Fund Management Company and the Fund Establishment Member.
- 50.2. The Fund Management Company is responsible for evaluating the facilities before selecting a Distributor and distribution location to provide services to the Investor. In case the Distributor distributes the Fund Certificate in the cyber environment, the assessment report must fully list the program, application, website for the distribution and the contents of the assessment of these Distributors meeting the requirements as prescribed in Clause 11, Article 78 of Circular 98/2020/TT-BTC (amended, supplemented by Circular 136/2025/TT-BTC). The report on assessment of the facilities of the Distributor and the distribution location shall be kept at the head office of the Fund Management Company and provided to the competent state management agency upon request. The Fund Management Company shall regularly supervise the Distributor and be responsible for ensuring that the distribution of Fund Certificates by the Distributor is in accordance with the terms of the distribution contract.
- 50.3. Distributor Activities:
 - 50.3.1. Fully synthesize information about investors and beneficiaries in accordance with the provisions of the securities law and regulations on prevention and combat of money laundering and regulations on prevention and combat of money laundering and terrorist financing;
 - 50.3.2. Receive and transfer trading orders of each Investor to the Fund Management Company and Service Provider in a full, timely and accurate

-
- manner. The Distributor is not allowed to aggregate and clear trading orders, directly receive money and pay for Fund Certificate transactions to Investors.
- 50.3.3. Support the Investor to carry out the procedures for changing information in the Primary Register, confirming the ownership of the Investor's Fund Certificate, transferring the ownership in accordance with the law.
 - 50.3.4. Maintain a continuous and smooth communication channel with the Investor, ensure to update the Investor accurately, completely, and promptly all information and answer the Investor's questions about the fund products offered; make statistics, synthesize account statements, confirm transactions at the request of investors; provide the Investor with the Prospectus, Summary Prospectus, financial statements of the Fund, documents on the General Meeting of Investors, and other information; implement the regime of reporting and information disclosure as authorized by the Fund Management Company.
 - 50.3.5. Assisting the Fund Management Company or related Service Provider in organizing the General Meeting of Investors; receive authorization to attend and exercise the right to vote according to the written instructions of the Investor.
 - 50.3.6. Synthesize and store detailed information about the Investor and its transactions in accordance with the law on enterprises. Provide this information to the Fund Management Company, the relevant Service Provider and the State Securities Commission at the request of these organizations.
- 50.4. The Distributor terminates the distribution of Fund Certificates when:
- 50.4.1. The Distributor has its Certificate of registration for distribution of public fund certificates revoked.
 - 50.4.2. The distribution contract expires.
 - 50.4.3. The Distributor fails to maintain the conditions for registering the distribution of fund certificates as prescribed.
- 50.5. In case the Distributor terminates the distribution of the Fund Certificate as per Article 50.4, the Fund Management Company shall notify the Investor in advance and appoint a replacement Distributor (if any).
- 50.6. Within 05 working days from the date of change of the Distributor, the Fund Management Company must notify the SSC together with the following documents:
- 50.6.1. Notice of change of Distributor of fund certificates, distribution location;
 - 50.6.2. In case of addition of a Distributor, enclosed with the following documents: Distributor contract signed with the Fund Management Company, Fund Establishment Member; A report on appraisal of material and technical foundations and personnel at the distribution locations of the Fund's certificates certified by the Fund Management Company (except for the case where the Distributor is a Distributor of another Fund managed by the company).
- 50.7. Within 05 working days from the date of change or addition of the place of distribution of Fund Certificates, change of address of the distribution location, change or addition of staff distributing Fund Certificates, the Distributor must notify the SSC, enclosed with documents on material and technical foundations, personnel related to the distribution location. The Distributor must notify the SSC in accordance with the law on electronic transactions on the securities market before distributing in the online environment.
- 50.8. The place of distribution of the Fund's certificates shall terminate its distribution activities in the following cases:
- 50.8.1. At the discretion of the Distributor.

- 50.8.2. Distributors terminate their operations at branches, transaction offices, and representative offices.
- 50.8.3. The distribution location fails to maintain the conditions for registering the distribution of Fund certificates as prescribed.
- 50.8.4. The distribution contract expires.
- 50.9. In case the distribution location terminates its operation as prescribed in Article 50.8 of the Article, the Distributor shall notify the Fund Management Company and the Investor in advance, and designate an alternative distribution location.
- 50.10. The Distributor exercises the rights and obligations under the distribution contract and the current legal provisions applicable to the Distributor of public fund certificates.

Chapter X: FUND-SETTING MEMBERS AND MARKET-MAKING ORGANIZATIONS

Điều 51. Conditions for selecting Fund Establishment Members

- 51.1. Being a securities company engaged in brokerage and proprietary trading or a commercial bank with a certificate of registration for depository activities.
- 51.2. Within the last 12 months, before the month of submission of the application for registration of the establishment of the Fund, the securities company must maintain the ratio of available capital at least 220%, or another higher ratio at the request of the Securities Investment Fund Management Company; the depository bank must meet the capital adequacy ratio in accordance with the law on banking.
- 51.3. Signed a fund establishment contract with the Fund Management Company.
- 51.4. Meet other conditions (if any) in the fund establishment contract.

Điều 52. Rights and Responsibilities of Fund Builders

- 52.1. Rights of Fund Setting Members
 - 52.1.1. To provide brokerage services to Investors in Portfolio Swap activities in accordance with the provisions of this Fund's Charter. This regulation only applies to Fund Founding Members who are securities companies.
 - 52.1.2. To conduct proprietary trading transactions under the mechanism of swapping its structured securities portfolio for Fund Certificate Lots with the Fund and vice versa.
 - 52.1.3. To borrow structured securities to swap lots of Fund Certificates; or borrow lots of Fund Certificates to swap the portfolio of structured securities. This borrowing of securities and ETF certificates must be carried out on the securities borrowing and lending system and under the guidance of VSDC.
 - 52.1.4. To carry out transactions of Fund Certificates and Structured Securities when there is a matched counterpart order, ensuring that there are enough assets at the time to pay for transactions as prescribed in Article 20.4 of this Fund's Charter.
- 52.2. Responsibilities of Fund Builders
 - 52.2.1. Receive trading orders (directly or through Distributors) and transfer trading orders of each Investor to the Fund Management Company, VSDC, and Service Providers in a full, timely and accurate manner. This regulation only applies to Fund Founding Members who are securities companies.
 - 52.2.2. It is not allowed to aggregate and clear the trading orders of Investors. The Investor's trading orders must be processed independently and separately from the processing of the Fund Member's own trading orders. In the swap transaction for lots of ETF certificates, the Fund Founding Member is only allowed to use the assets on the proprietary trading account, his/her own assets to swap for lots of ETF certificates, and is not allowed to use the Investor's assets.
 - 52.2.3. Ensure that investors have sufficient money and securities to conduct transactions in accordance with the law.

- 52.2.4. Separately manage the Investor's assets on each Investor's account, independently of their assets. Not to use the Investor's assets in any form; not to send, withdraw, transfer, or perform transactions related to the Investor's assets; not to receive authorization from the Investor and transfer money and assets between the Investors' accounts. Transactions related to the Investor's assets are only allowed to be carried out in accordance with the provisions of law and according to lawful and written orders and directives of the Investor.
- 52.2.5. Maintain a continuous and smooth communication channel with the Investor, ensure to update the Investor accurately, completely, and promptly all information and answer the Investor's questions about the offered fund products; make statistics, synthesize account statements, confirm transactions at the request of investors; provide the Investor with the Prospectus, Summary Prospectus, financial statements of the fund, documents on the General Meeting of Investors, and other information; perform the obligation to report and disclose information as authorized by the Fund Management Company.
- 52.2.6. Synthesize and store detailed information about the Investor and the Investor's transactions. Provide this information to the Fund Management Company, the Stock Exchange, VSDC, Service Providers and the SSC at the request of these agencies and organizations.
- 52.2.7. Comply with the operating principles of the Distributor.

Điều 53. Market-making organizations

- 53.1. The Fund Management Company shall designate one or several Fund Setting Members as the Market Maker for the Fund. The Fund Management Company is responsible for sending the SSC a contract on market-making activities immediately after signing with the market-making organizations.
- 53.2. The Market Maker must post the bid and offer prices of ETF Certificates; are responsible for buying and selling ETF Certificates at the base price on Trading Days and perform their obligations and responsibilities in accordance with the regulations on the operation of the Market Maker Organization formulated and promulgated by the Stock Exchange.

CHAPTER XI: AUDITING, ACCOUNTING AND REPORTING REGIME

Điều 54. Criteria for selection and change of Audit Firm

Every year, the Fund Management Company will propose the Audit Company to submit to the General Meeting of Investors for selection. The selected Audit Firm must satisfy the following conditions:

- 54.1. Having a license to provide audit services issued by the Ministry of Finance.
- 54.2. It is on the list of Audit Firms approved by the SSC.
- 54.3. Not be a Related Person of the Fund Management Company, Supervisory Bank.
- 54.4. Reputable and experienced in performing audits for investment funds.

Điều 55. Fiscal Year

The fiscal year is 12 months from the beginning of January 01 to the end of December 31 of the calendar year every year. The first fiscal year of the Fund will be counted from the date the Fund is granted the Certificate of Registration for the Establishment of the Fund by the SSC until the end of December 31 of that year.

In case the time from the date of establishment of the Fund to the end of December 31 of the same year is shorter than 90 days, the first accounting period shall be counted from the date of establishment of the ETF to the end of December 31 of the following year.

Điều 56. Accounting regime

- 56.1. The Fund will apply the Vietnamese accounting regime and comply with other regulations related to accounting for the Fund as prescribed by competent agencies.

- 56.2. The Fund Management Company is responsible for preparing regular financial statements on the Fund's business results and financial situation and other necessary reports to report on the Fund's activities. Semi-annual financial statements/annual financial statements will be reviewed semi-annually/independently audited annually by the selected Audit Firm. Copies of the Fund's audit report and operation report must be sent to each member of the Fund's Board of Representatives and publicly published on the Fund Management Company's website for Investors' reference.
- 56.3. The Fund Management Company must comply with the current provisions of the law on reporting and information disclosure related to the Fund's business activities.

Chapter XII: METHOD OF DETERMINING THE NET ASSET VALUE OF THE FUND

Điều 57. Determining the Fund's Net Asset Value

- 57.1. The Fund Management Company must develop a valuation manual including the following contents:
 - 57.1.1. Principles and criteria for selecting and changing organizations providing quotations;
 - 57.1.2. Detailed principles and processes for implementing valuation methods in accordance with the provisions of law, the Fund's Charter and international practices; must be clear for uniform application under different market conditions.
- 57.2. The valuation manual must be approved by the Fund's Representative Board and provided to the Supervisory Bank to supervise the calculation of the Net Asset Value. The list of at least 03 organizations providing quotations that are not related persons of the Fund Management Company or the Supervisory Bank must be approved by the Fund's Representative Board.
- 57.3. The Fund Management Company is responsible for determining the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value on a Fund Certificate, and the Net Asset Value on a lot of Fund Certificates in compliance with the provisions of law and the Fund's Charter.
- 57.4. The Fund Management Company is responsible for determining or authorizing the service provider to calculate the reference net asset value to determine and disclose information about the Reference Net Asset Value on a fund certificate (iNAV) on the basis of the market price from the most recent transaction of the Swap Structured Securities Portfolio. The reference Net Asset Value on a Fund Certificate is only the reference value, not the value used to determine the transaction price. The Reference Net Asset Value on a Fund Certificate is updated at least every 15 seconds and published on the Company's website or on the Stock Exchange's system.
- 57.5. The Fund Management Company is authorized by the Supervisory Bank to determine the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value per Lot of Fund Certificates, the Net Asset Value on a Fund Certificate. In this case, the Fund Management Company is responsible for supervising to ensure that the Net Asset Value determination carried out by the Supervisory Bank is in accordance with the provisions of the Fund's Charter and the law, and the Net Asset Value is calculated correctly.
- 57.6. Within 03 days from the date the Fund's Net Asset Value falls below VND 30,000,000,000, the Fund Management Company must report to the SSC and propose a remedial plan. In case the Net Asset Value of the Fund decreases below VND 10,000,000,000 within 06 consecutive months, the Fund Management Company must liquidate the assets to dissolve the Fund in accordance with the provisions of the Fund's Charter.

Điều 58. Principles for determining net asset value

- 58.1. The Net Asset Value of the Fund is determined by the total value of assets minus the total liabilities of the Fund. The total value of the Fund's assets is determined according to the market price or the fair value of the assets (in case the market price cannot be determined). The Fund's total liabilities are the debts or payment obligations of the Fund as of the nearest day before the valuation date. The method of determining the market price, fair value of assets on the list, the value of debts and

payment obligations shall comply with the principles specified in Article 59 of this Charter and internal regulations in the valuation manual;

- 58.2. After determining the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value on a lot of fund certificates, and the Net Asset Value on a fund certificate, the Fund Management Company must notify the results to the Supervisory Bank for confirmation. The confirmation of the value shall be made in writing, or retrieved through the electronic information system of the Supervisory Bank which has been approved by the Fund Management Company. Within 24 hours from the date of detection of the misvaluation of the Net Asset Value, the Supervisory Bank shall notify and request the Fund Management Company to promptly adjust or vice versa in case the Supervisory Bank provides Net Asset Value determination services. Within 05 working days from the date of detecting the misvaluation of the Net Asset Value, the Fund Management Company or the Supervisory Bank (in case the supervisory bank provides Net Asset Value determination services) must adjust and disclose information as prescribed, at the same time, notify the SSC of the wrong valuation, including the cause of the incident, the time of the wrong valuation, and handling measures. The contents of the notice must be jointly signed and certified by the Fund Management Company and the Supervisory Bank. Upon confirmation by the Supervisory Bank, the above Net Asset Values must be disclosed in accordance with the securities market disclosure regulations. The disclosure of the Net Asset Value to the Investor is made on the next business day of the Valuation Date.
- 58.3. The Fund Management Company is authorized by the Service Provider to determine the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value per lot of Fund Certificates, and the Net Asset Value on a Fund Certificate. In this case, the Fund Management Company and the Service Provider must have mechanisms and processes for comparison, review, inspection and supervision to ensure that the Net Asset Value determination activities are calculated accurately and in accordance with the Fund's Charter, valuation manual and the provisions of law.
- 58.4. The Fund Management Company or the Reference Net Asset Value Calculation Service Provider authorized by the Fund Management Company is responsible for determining the Reference Net Asset Value on a Fund Certificate (iNAV) on the basis of the market price of the Structured Security from the most recent transaction. The reference net asset value on a fund certificate is only the reference value, not the value used to determine the transaction price. The Reference Net Asset Value is updated at least every fifteen seconds (15 seconds) and is published on the website of the Fund Management Company or on the system of the Stock Exchange.

Điều 59. Net Asset Value Determination Method

59.1. When to determine the Fund's Net Asset Value

Valuation Date: The Fund's Net Asset Value is determined daily and at the end of the month. In case the Valuation Date falls on a holiday or holiday, the Valuation Date is the next business day immediately afterwards. For monthly pricing periods, the Valuation Date is the first day of the following month, and does not change even if the Valuation Date falls on a holiday.

59.2. Principles and methods of determining Net Asset Value

59.2.1. The determination of the Net Asset Value of an ETF, Net Asset Value per Lot of Fund Certificates, Net Asset Value on a Fund Certificate shall be determined according to the following principles:

- a) The Net Asset Value of the Fund is determined by the total value of assets minus the total liabilities of the Fund. The total value of the Fund's assets is determined according to the market price or fair value of the asset (in case the market price cannot be determined) on the day immediately preceding the Valuation Date. The Fund's total liabilities are the debts or payment obligations of the Fund as of the nearest day before the Valuation Date. The method of determining the market price, fair value of assets on the list, value of debts and payment obligations shall comply with the principles prescribed by law and internal regulations in the valuation manual.

- b) The Net Asset Value on a Fund Certificate is equal to the Net Asset Value of the Fund divided by the total number of Fund Certificates in circulation on the latest trading day before the Valuation Date and rounded down to 02 decimal places. The Net Asset Value per Lot of Fund Certificates is equal to the Net Asset Value of the Fund divided by the total lot of Fund Certificates and rounded down to the unit row. Net Asset Value is rounded in accordance with the Fund's accounting regime. The surplus arising from the rounding of the Fund's Net Asset Value is accounted for in the Fund.

59.2.2. The Fund Management Company must ensure:

- a) The value of assets is valued accurately, in accordance with the provisions of law and the Fund's Charter;
- b) The valuation must accurately, promptly and fully reflect investment transactions;
- c) Valuation items (including stocks, cash, and other investments) must be regularly reconciled with the original document. Inconsistent amounts must be handled in a timely manner;
- d) Dividends, stock options and bonus shares must be accounted into the Fund's assets (except for cases where they must be accounted according to the principle of prudence);
- e) Expenses, interest and dividends must be accounted for accrued up to the day before the Valuation Date at a fixed rate of interest;
- f) Tax, charge and fee items need to be considered and adjusted in a timely manner in accordance with law;
- g) Establish reasonable allowable fluctuation levels for fluctuations according to important factors when valuing;
- h) Regularly review and check the portfolio valuation process. Inspection results must be kept;
- i) The reconciliation of the Fund's assets with the Supervisory Bank should be carried out periodically at least once a month.

59.2.3. Supervisory Bank

- a) The Supervisory Bank must regularly check and supervise to ensure that the Fund Management Company has principles, processes, methods of determination and supervision system for determining the securities price or Net Asset Value of the Fund in accordance with the provisions of law and the Fund's Charter. Regular inspection and supervision must be maintained for third parties authorized by the Fund Management Company to carry out these activities;
- b) The review of the principles, processes, methods of price determination and the system of monitoring the price determination must be carried out immediately after the Supervisory Contract signed with the Fund Management Company takes effect;
- c) The review must be carried out more frequently when the Supervisory Bank knows or suspects that the principles, procedures, methods of determining pricing and the system of monitoring the valuation of the Fund Management Company do not meet the requirements;
- d) The Supervisory Bank shall ensure that all problems detected from inspections and supervision are monitored and appropriate measures are taken.

59.2.4. Net Asset Value Determination Method

- a) The Net Asset Value of the Fund is determined by the total value of assets minus the total liabilities of the Fund on the nearest day

before the valuation date. The total value of the Fund's assets must be determined according to the market price or fair value (in case the market price cannot be determined) on the nearest day before the Valuation Date. The Fund's total liabilities are the debts or obligations of the Fund as of the nearest day prior to the Valuation Date.

- b) In case the property is incorrectly valued or assessed:
 - i) The Fund Management Company shall notify the Supervisory Bank whenever it detects cases of incorrect valuation;
 - ii) The Supervisory Bank must submit monthly, quarterly and annual reports to the SSC summarizing these cases of inaccurate valuation.
- c) The method of determining the market value and fair value of assets on the list, the value of debts and payment obligations shall comply with the principles specified in the valuation manual and legal regulations.

Điều 60. Compensation for damage to Investors and Funds

- 60.1. The Fund Management Company must compensate for losses to the Fund, the Investor trades in Fund Certificates when the Fund's Net Asset Value is misvalued, with deviations of 1% or more of the Net Asset Value.
- 60.2. In case the Fund is undervalued, the level of compensation for the Fund and the Investor is determined as follows:
 - 60.2.1. For Investors who purchase Fund Certificates before the time the Fund is wrongly valued and sell Fund Certificates during the time the Fund is misvalued: the compensation level is determined based on the extent of the error and the number of Fund Certificates sold by the Investor.
 - 60.2.2. For the Fund: the compensation level is determined based on the extent of the error and the number of Fund Certificates that the Fund has issued during the period of misvaluation and is currently in circulation.
- 60.3. In case the Fund is overvalued, the level of compensation for the Fund and the Investor is determined as follows:
 - 60.3.1. For Investors who purchase Fund Certificates during the period when the Fund is misvalued and continue to own them after the time when the Fund is misvalued: the compensation level is determined based on the extent of the error and the number of Fund Certificates that the Investor has purchased and continued to hold after the period of wrong valuation.
 - 60.3.2. For the Fund: the compensation level is determined based on the extent of the error and the number of Fund Certificates issued by the Fund before the time the Fund was misvalued and repurchased by the Fund during that period.

Chapter XIII: SERVICE PRICES, INCOMES AND OPERATING EXPENSES OF THE FUND

Điều 61. Prices of fund management services, prices of depository and supervision services

- 61.1. Fund Management Service Pricing
 - 61.1.1. The Fund Management Service fee is paid to the Fund Management Company to perform the ETF management service. The Management Services price is calculated as a percentage of the Fund's NAV. The price of ETF Management Services is 0.55% (Excluding service prices/payment service fees for related service providers authorized by the Fund Management Company to perform services for the Fund).
 - 61.1.2. The total amount of Fund Management Service Prices and service prices/payment service fees for related service providers authorized by the

Fund Management Company to perform services for the ETF shall not exceed 2% of the Fund's NAV/year, unless otherwise permitted by law.

61.1.3. The price of Fund Management Services is calculated (set aside) for the valuation periods implemented in the month.

61.1.4. The formula for calculating the Price of Management Services in each pricing period is determined as follows:

Fund Management Service Price for the pricing period = "Fund Management Service Price Rate in Years" x "NAV on the day before the Valuation Date" x "actual calendar days of the valuation cycle / actual number of days of the year (365 or 366)"

For the monthly NAV pricing period, the Fund Management Service Price is the total Fund Management Service Price at the pricing periods in the month.

61.2. Prices of supervision services, prices of custody services

61.2.1. The Custodial Service Fee, the Custodian Service Fee shall be paid to the Supervisory Bank to perform the custody of the Fund's assets and supervise the operation of the Fund Management Company. Custody Service Prices and Custodial Service Prices are calculated as a percentage of the Fund's NAV excluding VAT.

a) Custody service prices:

NAV less than VND 600 billion: 0.06%/NAV/year.

NAV from VND 600 billion to less than VND 1,000 billion: 0.05%/NAV/year.

NAV of VND 1000 billion or more: 0.04%/NAV/year.

b) Minimum Custody Service Price (excluding Securities Trading Service Price and Portfolio Swap Service Price): 20,000,000 VND/month.

c) The Monitoring Service price (calculated on the daily swap frequency) is 0.02% of NAV/year.

d) Minimum Monitoring Service Price (based on daily swap frequency): 5,000,000 VND/month.

The above service prices do not include value-added tax (if any). Total Custody and Custody Service Prices comply with the provisions of the law.

61.2.2. The monthly service price is the total service price calculated (deducted) for the pricing periods implemented in the month.

61.2.3. The formula for calculating Custody Service Prices and Supervision Service Prices in each valuation period is determined as follows:

The price of the Custody and Custody Service (excluding securities trading fees) for the valuation period = The greater of the number between ["Monthly Minimum Service Price" X "actual calendar days of the valuation cycle/ number of days in the month"] and ["% Rate of Custody and Custody Service Price (year)" x "NAV at the day before the Valuation Date x the actual number of calendar days of the cycle valuation" / "actual number of days of the year (365 or 366)"].

Điều 62. Income of the Fund

The Fund's income includes the following amounts:

62.1. Dividends.

62.2. Bond interest and money market instruments.

62.3. Interest on deposits.

62.4. The difference between buying and selling from the Fund's investment activities.

62.5. Other incomes arising from investment activities or other activities of the Fund (if any).



Điều 63. Operating expenses of the Fund

63.1. The Fund's operating expenses are those expenses paid by the Fund's assets to maintain the Fund's operations for stakeholders. The Fund's operating expenses include:

- 63.1.1. Fund management service prices for Fund Management Company.
- 63.1.2. Custodial and custodial service prices for Supervisory Banks.
- 63.1.3. Pricing for Fund Members
- 63.1.4. Payment transaction service price.
- 63.1.5. Service Pricing for Service Providers.
- 63.1.6. Prices for management and operation of the Reference Index.
- 63.1.7. Transfer Agency Service Provider service price.
- 63.1.8. Fund management service price.
- 63.1.9. The service price is calculated in iNAV.
- 63.1.10. Audit service prices.
- 63.1.11. Prices for legal consultancy services, quotation services and other reasonable services, remuneration paid to the Fund's Board of Representatives.
- 63.1.12. Expenses for drafting, printing, sending Prospectus, Summary Prospectus, financial statements, transaction confirmations, account statements and other documents to the Investor; expenses for information disclosure of the Fund; expenses for organizing the General Meeting of Investors and the Board of Representatives of the Fund.
- 63.1.13. Other reasonable expenses shall be disclosed by the Fund Management Company in the Prospectus from time to time.

63.2. The Fund's operating expenses will be specified in detail in the Prospectus and announced within 45 days from the end of the second and fourth quarters of each year after this value has been confirmed by the Supervisory Bank, ensuring the accuracy according to the following formula:

$$\text{Operating cost ratio (\%)} = \frac{\text{Total operating expenses of the Fund in the period}}{\text{Average Net Asset Value for the Period}} \times 100\%$$

In case the fund is established and operating for less than one year, the operating expense ratio is determined according to the following formula:

$$\text{Operating cost ratio (\%)} = \frac{\text{Total operating expenses in the period} \times 365 \text{ days}}{\text{Average Net Asset Value in the reporting period} \times \text{Fund Operating Time from the time of authorization}} \times 100\%$$

In which, the Fund's Average Net Asset Value in a period is the total Net Asset Value of the Fund calculated at the Valuation Dates in that period divided by the number of Fund Certificate Valuation Dates in the same period.

Điều 64. Distribution of the Fund's income

64.1. Investors are entitled to receive income from the Fund according to the profit distribution policy specified in the Fund's Charter and according to the distribution plan approved by the nearest General Meeting of Investors. Income paid to investors shall be deducted from profits in the period, or accumulated profits after fully setting up funds (if any) as prescribed in the Fund's Charter and fulfilling all tax and financial obligations (if any) as prescribed by law.

-
- 64.2. The Fund Management Company must deduct taxes, fees and charges as prescribed by law before distributing the income to the Investor. Bank transfer fees for this portion of the income will be borne by the Investor.
 - 64.3. Yield can be paid in cash, by means of Fund Certificates. At least 15 days before the distribution of dividends, the Fund Management Company must notify the Investor by means of ensuring that the Investor's registered contact address or email address is reached. The notice must include at least the contents according to the form specified in Appendix VII issued together with Circular 98/2020/TT-BTC.
 - 64.4. Information on the profit distribution activities of the Fund must be updated in the amended and supplemented prospectus.
 - 64.5. The payment of income of the Fund ensures the following principles:
 - 64.5.1. Income distributed to investors is taken from profits in the period or accumulated profits after the Fund has fulfilled all tax and financial obligations as prescribed by law.
 - 64.5.2. The level of dividend payment must be consistent with the Fund's profit distribution policy specified in the Fund's Charter and approved by the General Meeting of Investors.
 - 64.5.3. After payment, the Fund must still ensure that there is capital to fully pay debts and other property obligations due and the Fund's Net Asset Value after payment of income must not be less than VND 50,000,000,000.
 - 64.5.4. In case of distribution of income by means of Fund Certificates, the Fund must have sufficient reciprocal capital from undistributed after-tax profits based on the latest audited or reviewed financial statements.

CHAPTER XIV: RESTRUCTURING AND DISSOLUTION OF FUNDS

Điều 65. Consolidation and merger of the Fund

- 65.1. At least 30 days before the date of the General Meeting of Investors, the Fund Management Company must provide the Investor with documents related to the consolidation and merger, including:
 - 65.1.1. Consolidation and merger plans;
 - 65.1.2. Draft consolidation and merger contracts;
 - 65.1.3. Audited annual financial statements, quarterly financial statements of all consolidated or merged funds up to the latest quarter;
 - 65.1.4. Draft Charter of the Fund, Prospectus (if any), Summary Prospectus (if any) of the Consolidated Fund or the Fund to be merged.
- 65.2. Within 10 days from the date on which the General Meeting of Investors approves the decision on consolidation or merger, the Fund Management Company must notify the decision on consolidation or merger of the Fund to creditors. Within 15 days from the date of receipt of the notice, the creditor may request the Fund to pay the payables. Past the above-mentioned time limit, the Fund Management Company does not receive requests from creditors, and the payment obligation will be performed by the consolidated or merged fund.
- 65.3. In case the consolidated or merged Funds are managed by the same Fund Management Company, all expenses for legal consultancy services, administrative expenses and other services related to the consolidation or merger of the Fund shall not be accounted into the Fund's expenses. unless otherwise decided by the General Meeting of Investors.
- 65.4. The Fund Management Company and the Fund's Representative Board shall:
 - 65.4.1. Provide fully, timely, accurate and truthful information about the consolidation and merger process to the Investor;
 - 65.4.2. Interests and obligations shall be settled according to agreements between relevant parties on the principle of voluntariness and in accordance with the provisions of law;

-
- 65.4.3. Payment of the Fund's debts to creditors at the request of creditors. The payment must be completed no later than the effective date the Certificate of registration for establishment of the Fund formed after the consolidation or merger for creditors requesting the Fund to make payment in accordance with the provisions of Clause 2 of this Article.
- 65.5. The date of consolidation and merger is the date on which the General Meeting of Investors approves the decision on consolidation and merger. From the date the SSC issues the Consolidation and Merger Decision, the Fund Management Company and the Supervisory Bank are responsible for:
- 65.5.1. Receive and hand over all books, vouchers, securities lists and other assets together with other documents related to the consolidated or merged fund;
- 65.5.2. To ensure that the consolidation and merger fund receives and inherits all legitimate rights and interests, takes responsibility for financial obligations and debts, including tax debts and financial obligations to the State; continue to perform economic contracts of consolidated or merged funds;
- 65.5.3. Complete the procedures for registration of ownership for the consolidation and merger of assets received from the consolidated or merged funds in accordance with relevant laws;
- 65.5.4. Representing the consolidated or merged Fund to perform the Fund's obligations in accordance with relevant laws.
- 65.6. Depending on the terms of the consolidation or merger contract, consolidation and merger plan, the Fund may convert the Fund certificate combined with cash payment. The value of the cash payment for a Fund certificate does not exceed 10% of the net asset value on a Fund certificate as of the date of consolidation or merger.
- 65.7. Within 07 working days from the date of consolidation or merger, the Fund Management Company shall disclose information about the consolidation or merger. The contents of information disclosure include:
- 65.7.1. Date of consolidation, date of merger;
- 65.7.2. Principles for determining the net asset value on a certificate of a consolidated or merged fund at the date of consolidation or merger; the rate of conversion of Fund certificates; the rate of payment in cash on a Fund certificate (if any).
- 65.8. From the effective date the Fund Establishment Registration Certificate of the Fund formed after the consolidation or merger takes effect:
- 65.8.1. The consolidated or merged fund ceases to exist, and at the same time, the consolidated or merged fund inherits all assets, debts, lawful rights, interests and other obligations of the consolidated or merged fund;
- 65.8.2. Investors of the consolidated or merged funds may receive assets in the form of certificates of the consolidated or merged funds at the conversion rate determined on the date of consolidation or merger;
- 65.8.3. The certificate of the Fund is consolidated, merged and canceled.

Điều 66. Dissolution of the Fund

- 66.1. The liquidation and dissolution of the Fund shall be conducted in the following cases:
- 66.1.1. The Fund Management Company is dissolved, bankrupt, has its establishment and operation license revoked and the General Meeting of Investors cannot appoint another management company within 02 months from the date of occurrence of one of the above events.
- 66.1.2. The Supervisory Bank has its Certificate of Securities Depository Registration revoked, is dissolved, goes bankrupt or the Supervisory Contract between the Supervisory Bank and the Management Company is terminated but the Investment Fund Management Company fails to establish a replacement Supervisory Bank within 02 months from the date of the event.

-
- 66.1.3. The Fund's Net Asset Value fell below VND 10 billion for 06 consecutive months.
 - 66.1.4. The fund is delisted.
 - 66.1.5. The General Meeting of Investors agreed on the date of dissolution of the Fund.
 - 66.1.6. Other cases as prescribed by law (if any).
 - 66.2. The General Meeting of Investors agreed on the date of dissolution of the Fund. From the date of dissolution of the Fund, the Fund Management Company or the Supervisory Bank shall not:
 - 66.2.1. Carrying out investment activities, buying assets for the Fund.
 - 66.2.2. Convert unsecured debts into debts secured by the Fund's assets.
 - 66.2.3. Donating or donating the Fund's assets to other organizations and individuals.
 - 66.2.4. Payment of contracts in which the value of the obligations of the fund is greater than the value of the obligations of the other party or payment of debts to creditors who are also debtors of the fund without clearing.
 - 66.2.5. Conducting other transactions with the purpose of dispersing the Fund's assets.
 - 66.3. The assets of the dissolved Fund include:
 - 66.3.1. Assets and property rights that the fund has at the time the fund is forced to dissolve.
 - 66.3.2. The profits, assets and property rights that the Fund will have as a result of the execution of transactions established before the time the Fund is forced to dissolve.
 - 66.3.3. Assets are security for the performance of the Fund's obligations. In case the payment of collateral is paid to secured creditors, if the value of the collateral exceeds the secured debt to be paid, the excess shall be the fund's property.
 - 66.4. The General Meeting of Investors shall appoint an Audit Company or maintain the current Board of Representatives of the Fund to inspect, evaluate, and supervise the liquidation and distribution of the Fund's assets.
 - 66.5. The Fund Management Company or the Supervisory Bank shall be responsible for liquidating and distributing assets to the Investor according to the plan approved by the General Meeting of Investors.
 - 66.6. The time limit for liquidation of assets and division of assets to investors shall comply with the dissolution plan but shall not exceed 02 years from the date of dissolution of the Fund. Past the above-mentioned deadline, the Supervisory Bank Fund Management Company shall return the portfolio to the Investor in accordance with the provisions of this Article.
 - 66.7. During the time when the Fund is liquidating assets for dissolution, the Fund's operating expenses will be collected according to the service tariff approved by the General Meeting of Investors.
 - 66.8. The Fund Management Company and the Supervisory Bank, when liquidating the Fund's assets, must ensure:
 - 66.8.1. For listed securities, trading registration must be carried out through the trading system of the Stock Exchange.
 - 66.8.2. For assets other than listed securities, trading registration must be approved by an independent audit organization or the Fund's Board of Representatives as prescribed in Article 66.4.
 - 66.9. The Fund Management Company and the Supervisory Bank shall return the Fund's portfolio to the Investor in proportion to the Investor's ownership ratio. The return of the portfolio to the Investor must ensure the following principles:

- 66.9.1. The Fund shall ensure the payment of obligations as prescribed and in the order at Points a and b, Clause 4, Article 104 of the Law on Securities.
- 66.9.2. The list of returns to investors must be full of types of assets and structures according to the Fund's portfolio;
- 66.9.3. In the case of securities registered or centrally deposited, the transfer of assets to investors shall be carried out by the Fund Management Company and the Supervisory Bank under the guidance of VSDC. In case of other assets subject to registration of ownership, the Fund Management Company or the Supervisory Bank shall be responsible for requesting the investment capital receiving organization, the issuing organization, and the shareholder book management organization to register the ownership of the assets for the investor. The refund is completed when the Investor has been registered to own the property.
- 66.10. The result of liquidation of the Fund's assets must be confirmed by the Supervisory Bank, the Fund Management Company and approved by the Audit Firm or the Fund's Representative Board (if any) to supervise the asset liquidation process.
- 66.11. From the date of dissolution to the completion of the dissolution of the Fund, on a monthly basis, the Fund Management Company must report to the SSC and provide the Investor with the Net Asset Value, report on the Fund's assets and investment portfolio in accordance with the law.
- 66.12. The Fund Management Company, the Supervisory Bank and relevant organizations and individuals shall be responsible for the accuracy, truthfulness and completeness of the dossier of report on dissolution results. In case the dossier of report on dissolution results is inaccurate or contains forged documents, the Fund Management Company, the Supervisory Bank, relevant organizations and individuals shall be jointly responsible for paying the unpaid debt and take personal responsibility before law for the consequences arising within 05 years from the date of the final report dissolved to the SSC.

CHAPTER XV: RESOLUTION OF CONFLICTS OF INTEREST

Điều 67. Control conflicts of interest between the Fund and other funds, investment trust clients of the Fund Management Company and between the Fund and the Fund Management Company

- 67.1. The fund management company must:
- 67.1.1. Separate the investment strategy and investment objectives of each fund managed by the Fund Management Company.
- 67.1.2. Separating the assets of the Fund Management Company from the assets of the Funds managed by the Fund Management Company, assets of the investor; separate the assets of the Funds managed by the Fund Management Company.
- 67.2. All securities transactions of members of the Board of members, members of the Executive Board, Controllers, fund management practitioners and employees of the Fund Management Company must be reported and controlled in accordance with the provisions of the Fund's Charter and current laws.
- 67.3. Establish an internal control system, manage risks, and monitor conflicts of interest in the Fund Management Company.

CHAPTER XVI: INFORMATION DISCLOSURE AND AMENDMENTS TO THE CHARTER

Điều 68. Information disclosure, provision of information to Investors

- 68.1. The disclosure of information related to the Fund's activities will be carried out by the Fund Management Company in accordance with the law on information disclosure on the securities market.
- 68.2. The notice of convening a meeting of the Board of Representatives of the Fund shall be considered to be communicated to each member of the Board of Representatives if it is notified directly to the members of the Board of Representatives of the Fund or

sent by email to the address notified by the members of the Board of Representatives of the Fund.

- 68.3. The disclosure of information related to the mobilization of capital for the establishment of the Fund, the investment activities of the Fund and other activities related to the Fund shall be carried out by the Fund Management Company through one of the following mass media.

68.3.1. On publications and websites of the Fund Management Company, the Stock Exchange where the Fund Certificates are listed, the Fund Establishment Member;

68.3.2. On an electronic or written newspaper.

- 68.4. Summonses, notices, orders, or documents to be sent to the Foundation or its administrators may be delivered directly or by post to the address of the office registered by the Fund, in an envelope stamped with the name of the Fund or its administrator.

Điều 69. Amendments and supplements to the Charter

- 69.1. The amendment and supplementation of this Charter must be decided by the General Meeting of Investors. The amendment and supplementation of the Charter must be reported to the State Securities Commission.

- 69.2. In case there are provisions of law related to the operation of the Fund that are not mentioned in the Charter or in case there are new provisions of law that are different from the provisions of the Charter, the provisions of such law shall naturally apply and regulate the operation of the Fund.

Điều 70. Registration of the Fund's Charter and Implementation Terms

- 70.1. The Charter for the first time consists of 16 Chapters and 70 Articles, approved by the General Meeting of Investors on November 6, 2021 and jointly approves the full validity of the Charter.

The first amended and supplemented Charter includes 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices, approved by the Fund's General Meeting of Investors in accordance with the Resolution of the Fund's 1st Extraordinary General Meeting of Investors in 2024 dated February 20, 2024 and takes effect from February 20, 2024.

The second amended and supplemented Charter consists of 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices, approved by the General Meeting of Investors in accordance with the Resolution of the Fund's Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2023 dated April 26, 2024 and takes effect from April 26, 2024.

The third amended and supplemented Charter includes 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices, approved by the General Meeting of Investors in accordance with the Resolution of the Fund's 1st Extraordinary General Meeting of Investors in 2025 dated December 31, 2025 and takes effect from December 31, 2025.

This Fund's Charter is the fourth amended and supplemented Fund's Charter, including 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices, approved by the Fund's General Meeting of Investors in accordance with the Resolution of the Fund's Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2025 on May 29, 2026 and takes effect from May 29, 2026.

Investors, the Fund's Representative Board, the Fund Management Company, the Supervisory Bank and related parties are obliged to comply with the Fund's Charter.

The extracts or copies of this Charter issued by the Fund must be signed by the Chairman of the Fund's Representative Board or an authorized representative of the Fund Management Company to be valid.

- 70.2. The Charter is made in 04 copies in Vietnamese with the same legal validity, in which:

70.2.1. 02 copies registered at state agencies as prescribed by law;

70.2.2. 01 copy to be kept at the head office of the Fund Management Company;

70.2.3. 01 copy to be kept at the head office of the Supervisory Bank.

- 70.3. The Fund was officially established after the SSC granted the Fund Establishment Registration Certificate to the Fund. The Fund Management Company is responsible for completing all procedures for establishing the Fund in accordance with the laws of Vietnam.

Ho Chi Minh City, May 29, 2026

(Signed)

VU TRAN VINH THUY
Chairman of the Fund's Board of
Representatives

Attached to the Charter are the following Appendices:

Appendix 1: Commitments of the Fund Management Company

Appendix 2: Commitments of the Supervisory Bank

Appendix 3: General commitment of the Fund Management Company and the Supervisory Bank

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

Appendix 1
COMMITMENT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

Company Name: KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

Establishment and operation license number: 59/UBCK-GP issued by the SSC on 01/10/2020 (and amendments and supplements from time to time)

Head Office Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: 028 3824 2220

The Fund Management Company commits to implement the following for the Fund:

1. Absolutely comply with the provisions of law and the fund's charter in fund management activities.
2. Perform the task of managing the fund in an efficient, honest, dedicated manner and in accordance with the Fund's investment objectives, prioritizing the legitimate rights and interests of Investors.
3. Ensure that the Public Fund always has a Supervisory Bank at all times.
4. Pay to the Supervisory Bank the service prices and to other service providers as prescribed in the Fund's Charter.
5. Periodically provide the Supervisory Bank with the following information:
 - a. Reports on the Fund's operation and financial statements, the Register of Investors and the number of Fund Certificates held by the Investor;
 - b. Reports related to the Fund or related to the Fund's assets and investment portfolio;
 - c. Assessment of the Fund's Net Asset Value, Net Asset Value per fund unit, Net Asset Value per lot of fund certificates;
 - d. Information related to fund management activities and other obligations.
6. Provide free of charge or charge a reasonable service price when providing a copy of the Fund's Charter (and attached appendices), Prospectus (and attached appendices) to Investors upon request.
7. Do not invest in securities, or assets in which the Fund Management Company itself or persons related to the Fund Management Company have an interest in or related to such interests, except as permitted by law.
8. Do not use the position of the Fund Management Company in fund management activities to directly or indirectly benefit the company or related persons or to harm the interests of Investors.
9. Perform the valuation and accounting work for the Fund in an honest, accurate and timely manner.
10. Provide free of charge or charge a reasonable service price when providing copies of the annual report and other reports of the Fund to Investors upon request.
11. Provide free of charge or a reasonable service price when providing a copy of the Supervisory Bank's annual report on the fund management activities of the Fund Management Company to Investors upon request.
12. Ensure that all information disclosed by the Fund Management Company or the representative of the Fund Management Company is complete, truthful, accurate, does not omit events that affect the interests of Investors, events that affect the content of the information disclosed, do not omit information that must be disclosed as required by law and do not mislead investors.

-
13. Provide all necessary information for the fund's independent audit organization to perform its audit tasks effectively and in a timely manner.
 14. Promptly report to the State Securities Commission in case of inconsistent comparison of assets/liabilities of the Fund between the Fund Management Company and the Supervisory Bank.
 15. Perform the obligation to convene the General Meeting of Fund Investors in accordance with the provisions of law.

**GENERAL DIRECTOR
FUND MANAGEMENT COMPANY**
(Sign, specify full name and seal)

(Signed)

HUYNH TUAN KHANH

Appendix 2
COMMITMENTS OF THE SUPERVISORY BANK

Name of Supervisory Bank:	JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM
Establishment and operation license number:	106/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on 17/12/2019 (and amendments and supplements from time to time)
Enterprise Registration Certificate No.:	0100112437 was first registered by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008 (and amendments and supplements from time to time)
Certificate of registration of digital depository activities:	14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/05/2003
Digital depository member certificate	18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository on 07/07/2006
Head Office Address:	198 Tran Quang Khai, Hoan Kiem Ward, Hanoi
Phone:	024 3934 3137

The Supervisory Bank commits to:

1. Absolutely comply with the provisions of law and the fund's charter in supervision activities.
2. Ensure that the Fund always has a Fund Management Company at all times.
3. Perform dedicatedly, honestly and prudently the Supervisory Bank's functions with respect to the Fund.
4. Depositing, paying, preserving and supervising all assets and securities of the Fund on behalf of Investors; compare the Fund's assets/liabilities with the Fund Management Company on a monthly basis at least once a month and report to the State Securities Commission if the status of assets/liabilities is inconsistent between the Fund Management Company and the Supervisory Bank.
5. Segregation of the Fund's assets from the assets of the Supervisory Bank, the assets of the Fund Management Company and the assets of other funds, the assets of other clients of the Supervisory Bank
6. Supervision of the Fund's investment portfolio, valuation of the Fund's assets, determination of the Fund's Net Asset Value, determination of Net Asset Value per unit of fund certificates, determination of Net Asset Value per lot of Fund Certificates in accordance with the provisions of current laws and the provisions of the Fund's Charter.
7. Ensure the obligation to supervise so that the Fund Management Company does not take advantage of its position as a fund manager to carry out activities that directly or indirectly benefit the Fund Management Company or related persons that harm the interests of Investors.
8. Ensure the Fund is audited by an independent Audit Firm annually.

**AUTHORIZED REPRESENTATIVE OF THE
CUSTODIAL BANK**

(Sign, specify full name and seal)

(Signed)

VO TRI THANH
Center Director

Appendix 3
JOINT COMMITMENT OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK

Company Name: KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD

Establishment and operation license number: 59/UBCK-GP issued by the SSC on 01/10/2020 (and amendments and supplements from time to time)

Head Office Address: Unit No. 6.02, 6F, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13 in Functional Area No. 1, No. 15 Tran Bach Dang Street, Quarter 39, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: 028 3824 2220

--And--

Name of Supervisory Bank: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM

Establishment and operation license number: 106/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on 17/12/2019 (and amendments and supplements from time to time)

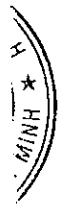
Enterprise Registration Certificate No.: 0100112437 was first registered by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008 (and amendments and supplements from time to time)

Certificate of registration of digital depository activities: 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/05/2003

Digital Depository Member Certificate 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository on 07/07/2006

Head Office Address: 198 Tran Quang Khai, Hoan Kiem Ward, Hanoi

Phone: 024 3934 3137



Hereby, it is committed to perform the following obligations:

1. Jointly committed to fulfilling the obligation to protect the interests of investors.
2. Jointly commit to comply with the provisions of the law and the Fund's Charter throughout the Fund's operation period.
3. Jointly commit to exercise the right to vote arising in connection with the ownership of shares/contributed capital that the Fund has invested in the spirit and for the benefit of investors at the General Meeting of Shareholders of the issuers or at the Board of Members of the enterprise of the Capital Contribution Fund.
4. Jointly undertake not to receive any remuneration, profits or benefits from the execution of transactions in the Fund's assets or other transactions not specified in the Fund's Charter or the Prospectus.

GENERAL DIRECTOR
FUND MANAGEMENT COMPANY
(Sign, specify full name and seal)

(Signed)

HUYNH TUAN KHANH

AUTHORIZED REPRESENTATIVE OF
THE SUPERVISORY BANK
(Sign, specify full name and seal)

(Signed)

VO TRI THANH
Center Director